

# TỪ CÁI CHẾT CỦA TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM ĐẾN SỰ CÁO CHUNG CỦA VIỆT-NAM CỘNG-HÒA, NGHĨ VỀ BÀI HỌC CHỦ QUYỀN CỦA ĐẤT NƯỚC.

Nguyễn Đức Cung

Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, có hai ngày được gọi là **Quốc hận**, đó là ngày 21 tháng 7 năm 1954 do Việt Minh Cộng Sản cấu kết với thực dân Pháp chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 17 (Bến Hải, Quảng Trị) khiến cho một triệu người phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả, thân thích để vào miền Tự do, qua đó hình thành hai thực thể chính trị đối kháng nhau: Miền Bắc gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Miền Nam gọi là Việt Nam Cộng Hòa. Và ngày 30-4-1975 được gọi là ngày **Quốc hận** vì Hoa Kỳ đã cam tâm bỏ rơi người bạn đồng minh của họ, ném Việt Nam Cộng Hòa vào miệng chó sói Bắc Việt qua sự đạo diễn của Nixon và Kissinger khiến cả một Miền Nam điên đảo, điêu linh với hơn một triệu dân, quân, cán, chính VNCH vào tù CS, ba triệu người vượt biên, 500.000 người vùi xác dưới lòng biển cả hay trong rừng sâu núi thẳm và hệ quả khốc hại vẫn còn cho đến hôm nay. Tất cả đều có liên hệ ít nhiều đến một cái chết. Cái chết của Cố TT Ngô Đình Diệm qua vụ đảo chính quân sự ngày 1-11-1963 cũng do Mỹ đạo diễn với bàn tay Henry Cabot Lodge nằm trong tương quan mật thiết đến sự cáo chung của Việt Nam Cộng Hòa ngày 30-4-1975 qua mưu đồ độc hiểm của Henry Kissinger. Cái chết của Cố TT Ngô Đình Diệm liên hệ đến vấn đề chủ quyền của Việt Nam. Bài học chủ quyền của đất nước là bài học muôn thuở và cũng là lý tưởng đấu tranh của Cố TT Ngô Đình Diệm lãnh hội được từ huyết thống cha ông của dòng tộc và qua huấn giáo của những vị thầy trong lịch sử mà cố Tổng Thống của nền Đệ Nhất Cộng Hòa từng được thừa hưởng. Một con người sống và chết vì lý tưởng (chủ quyền của đất nước) nghĩ rằng là đơn giản nhưng thật sự không đơn giản tí nào mà phải được trải nghiệm qua biết bao cuộc huấn luyện từ trong gia đình đến ngoài xã hội, trên chính trường cũng như trong va chạm với thực tế mà sự giáo dục của môi trường tôn giáo và văn hóa xã hội ảnh hưởng vào không ít. Cái chết của Việt Nam Cộng Hòa ngày 30-4-1975 tức tưởi, ngập tràn oan khiên nhưng cũng lại là một tất yếu của lịch sử bởi vì những người lãnh đạo của nền Đệ Nhị Cộng Hòa không học được và cũng không biết được giá trị của bài học chủ quyền đất nước qua bản thân và qua kinh nghiệm của lịch sử.

## 1.- Một số định nghĩa hai chữ “chủ quyền quốc gia” theo tư liệu và sách vở.

Theo từ nguyên học (etymology) chữ Hán, chữ *chủ* 主 gồm chữ *vương* 王 là vua, và một dấu chấm 丶 ở trên thường gọi là bộ chủ mà Thiệu Chửu gọi là: “Phàm vật gì cần có phân biệt, sự cần biết nên chăng, lòng đã có định, thì đánh dấu chữ **chủ** để nhớ lấy... Chủ là một tiếng phân biệt mình với người trong khi giao tế, phàm sự gì mình khởi lên thì mình là **chủ nhân**” (Thiệu Chửu, *Hán Việt Tự-Điển*, nhà xuất bản Đại Nam, tái bản lần thứ hai, trang 6).

Theo Linh mục Tiên sĩ Léon Wieger, chữ *chủ* 主 viết theo lối tượng hình gồm phần dưới tượng trưng chữ *đăng* 燈 cái đèn, và dấu chấm 丶 tượng hỏa 火. Bây giờ có người viết bên trái bộ hỏa, bên phải chữ *chủ* để chỉ cây đèn, chữ chủ có nghĩa *prince* (đấng quân vương), *master* (ông chủ); bởi vì nói như các viên thông ngôn, 首出庶物, 萬民所望之意 (thủ xuất thứ vật, vạn dân sở vọng chi ý) đấng quân vương nổi lên trên đám quần chúng và được mọi người trông thấy, cũng như ngọn lửa nổi lên và chiếu sáng trên cây đèn. “The inferior part represents a lamp, the flame of which 王 像 燈, 丶 像 火( Dr. L. Wieger, S.J. *Chine Characters, Their Origin, Etymology, History, Classification and Signification. A Thorough Study From Chinese Documents*, bản in năm 1965, trang 30; bản in lần đầu năm 1915).

Chữ 王 *vương*, qua LM. Léon Wieger (S.J) cho biết theo người xưa, gồm một nét sổ từ trên xuống dưới (tượng trưng cho một người là vua) nối ba nét nằm ngang tượng trưng cho thiên, địa và nhân “According to the ancients the 王 king is ! the one, the man who connects together 三 heaven, earth and humanity”, See L. 83 C. – Phonetic series 87. ( Dr. L. Wieger, S.J. *Chine Characters, Their Origin, Etymology, History, Classification and Signification. A Thorough Study From Chinese Documents*, 1965, trang 29; Paragon Book Reprint Corp., New York, Dover Publications, Inc., New York). Chữ *vương* còn có thể đọc một âm khác là *vượng* mà theo Thiệu Chửu có nghĩa “cai trị cả thiên hạ như dĩ đức hành nhân giả vượng 以德行仁者王 (lấy đức làm nhân ấy được đến ngôi trị cả thiên hạ, Thiệu Chửu, Sđd, trang 391).

Chữ *quyền* 權 có tám nghĩa: 1. Quả cân, 2. Cân lường, 3. Quyền biến, (trái đạo thường mà phải lẽ gọi là **quyền**, đối lại với chữ **kinh**, 4. Quyền bính, (quyền hạn, quyền thế), 5. Quyền nghi , sự gì hãy tạm làm thế gọi là **quyền thả như thử** 權且如此, tạm thay việc của chức quan nào cũng gọi là quyền, 6. Xương gò má (Thiệu Chửu, Sđd, trang 317). 7. Họ *Quyền*. 8. Lực lượng và lợi ích. Ở đây nên dùng nghĩa số 4.

Tuy vậy, nhìn vào tự dạng, theo thiên ý của tác giả bài viết này có thể thấy chữ *quyền* 權 được viết theo lối hội ý: chữ mộc 木 là cây, chỉ cán cân (hệ thống đo lường Trung Hoa và VN dùng cái cân có cán gỗ, bộ thảo đầu ở trên, dưới có hai chữ khẩu 口, chỉ người mua và người bán. bộ phận chữ chuy 隹 ở dưới chỉ hai bàn cân. *Quyền* là sự thỏa thuận giữa hai người, là sự công bình của cán cân, và sự đồng thuận mới tạo nên vui vẻ, hòa bình, trong thương thảo.

Khi nói tới vấn đề chủ quyền, thông thường người ta hay liên tưởng đến chính trị, mà như Aristote có nói: “*Con người là một con vật biết làm chính trị*” (Man is a political animal). Với Tôn Dật Tiên, ông cho rằng: “chánh là việc của chúng nhơn, tức là việc của mọi người, trị là quản lý, và chánh trị là quản lý của tất cả mọi người.” (Hùng Nguyên, *Chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn, chủ nghĩa quốc gia khoa học*, quyển 2, 1964, trang 9).

Chủ quyền của một cá nhân trên một vật sở hữu, trên bản thân mình hay có liên hệ tới gia đình, vợ con, thân bằng đã là một điều cao quý mà chủ quyền của một quốc gia lại càng quý trọng gấp bội.

Tự điển *Larousse* của Pháp có định nghĩa về chữ *souveraineté nationale* (chủ quyền quốc gia) như sau: “*Souveraineté nationale, principe du droit public francais selon lequel la*

*souveraineté, jadis exercée par le roi, l'est aujourd'hui par l'ensemble des citoyens.*" (Tạm dịch: *Chủ quyền quốc gia, nguyên tắc công pháp Pháp quốc theo đó chủ quyền, ngày xưa do vua điều hành, ngày nay nó là quyền của tập thể những công dân.*" (Petit Larousse illustré, 1987, trang 950).

Tác giả Jay M. Shafritz trong *Dictionary of American Government and Politics* có đề cập đến chủ quyền (sovereignty) rằng *"The quality of being supreme in power, rank, or authority. In the United States, the people are sovereign and government is considered their agent. The sovereignty of the sovereign states of the United States is largely a myth. However, because so much power on most crucial issues now lies with the federal government. The literature on sovereignty is immense and freighted with philosophy."* (Tạm dịch: *Chủ quyền là tính cách cao nhất trong quyền lực, ngôi vị hoặc quyền thế. Ở Hoa Kỳ, người dân là chủ và chính quyền là đại diện. Chủ quyền của các tiểu bang Hoa Kỳ xem ra là một huyền thoại, tuy nhiên có biết bao quyền trong nhiều vấn đề then chốt lại nằm trong chính quyền liên bang. Tính cách văn chương về vấn đề chủ quyền thật là bao la và được chuyển tải trong phạm trù triết học.*)

Trong tác phẩm *Dân Tộc Sinh Tồn, chủ nghĩa quốc gia khoa học*, Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy cho biết John Locke (1632-1704) triết gia Anh và Rousseau (1689-1755), triết gia Pháp đặt nền tảng quốc gia trên một bản dân ước theo đó mọi người cùng vui lòng chấp nhận nhường quyền thiên nhiên của mình cho xã hội, để bù lại, xã hội bảo đảm quyền lợi mình. Dựa vào ý này, họ nêu ra thuyết chủ quyền phải thuộc về toàn thể dân chúng. (Quyển I, 1964, trang 135). Tuy nhiên để bù đắp vào sự khiếm khuyết của chủ trương này người ta nêu ra sự phân quyền của Montesquieu kể cả của Locke để bảo đảm thêm quyền lợi của cá nhân của con người trong xã hội.

Chủ quyền của một quốc gia ngoài ngoài tam quyền (hành pháp, lập pháp và tư pháp) còn là một hệ thống tư tưởng chính trị, văn hóa được thừa hưởng từ các triều đại đi trước hay do chế độ hiện tại đưa ra. Khả năng và tư cách của vị lãnh tụ của đất nước không phải một sớm một chiều mà có nhưng được tích lũy theo thời gian và kinh nghiệm cá nhân cũng như gia đình. Nói như vậy để thấy rằng giữa nền Đệ I và Đệ II Cộng Hòa có những cái tương phản trong tư cách của những người lãnh đạo, đường lối xử trí công việc quốc gia biểu lộ qua khả năng, trình độ và phong thái nhân vật nói rõ hơn tư cách của vị lãnh tụ và tác phong của những kẻ tự nguyện đóng vai trò bù nhìn của ngoại bang.

## **2.- Bài học về “chủ quyền quốc gia” qua một số biến cố lịch sử.**

Trong dòng lịch sử dân tộc, chủ quyền đất nước thể hiện qua nhiều biến cố với mỗi phong cách khác nhau. Truyền thống dân tộc thể hiện qua huyết thống, văn hóa và tôn giáo sẽ được khái quát phân tích qua một vài sự kiện lịch sử.

Trước hết có lẽ theo truyền thuyết người ta phải nhắc đến cuộc khởi nghĩa của bà **Triệu Thị Trinh** chống nhà Ngô năm 248 khi bà hiệu triệu nhân dân quận Cửu Chân (Thanh Hóa) nổi dậy khi bày tỏ ý chí kiên cường muốn nắm lấy chủ quyền đất nước và quyết định số mệnh của mình bằng câu nói: *“Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng dữ, chém cá kình ở biển*

*Đông, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp người khác.”* Cưỡi voi trận, mặc áo giáp vàng, bà đã cầm cự với quân Trung Quốc hàng sáu tháng nhưng cuối cùng lực lượng của bà bị đánh tan, bà tuẫn tiết khi ở tuổi hai mươi ba. Nếu câu nói trên (thực sự được kiểm chứng do phương pháp sử học) là của bà Triệu thì trong thế kỷ thứ ba của giai đoạn Bắc thuộc, tư tưởng về chủ quyền đất nước nơi người dân cổ Việt đã xuất hiện đặt nền móng cho các cuộc khởi nghĩa giành độc lập về sau. Câu nói của bà Triệu, xem ra là một thổ dân ở quận Cửu Chân (Thanh Hóa) sao lại giống câu nói của Tông Xác, viên tướng được vua Tống phong chức Chấn Võ tướng quân, cử theo Đoàn Hòa Chi đi đánh Lâm Ấp năm 436. Tác phẩm *Tư Trị Thông Giám* mà Tư Mã Quang đã bỏ ra trên 30 năm để hoàn thành, có ghi lại câu nói mà, thuở còn hàn vi, khi được người chú hỏi về chí bình sinh của mình, Tông Xác thường nói: “*Nguyện thừa trường phong phá vạn lý lãng*”, 願乘長風破萬里浪 nghĩa là ‘ước gì được cưỡi ngọn gió dài để xông pha làn sóng muôn dặm’. (Nguyễn Đức Cung, *Lịch sử vùng cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư*, Nhà xb. Nhật-Lê, 1998, trang 116). Ngô Sĩ Liên khi viết Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, đã lấy câu nói này của Tông Xác có trong *Tư Trị Thông Giám*, thêm thắt một số ý kiến và biến thành lời bà Triệu. Đây phải chăng còn là một nghi vấn lịch sử?

Rồi bài thơ của **Lý Thường Kiệt** làm năm 1077 trên chiến tuyến sông Như Nguyệt để khích lệ quân Lý đánh nhau có thêm hùng khí đối với giặc Tống được một số sách báo CS xung tưng là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, nhưng thực tế phải nhường bước cho câu nói của bà Triệu. Bài thơ được nói là của thần nhân cho, từ trong đền Trương Hát, vọng tới ba quân của Lý Thường Kiệt như sau:

南國山河南帝居  
 截然定分在天書  
 如何逆虜來侵犯  
 汝等行看守敗虛.

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư  
 Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!*

*(Sông núi nước Nam, vua Nam ở  
 Rành rành định phận tại sách trời  
 Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm  
 Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời !)*

“Trong đêm tối, nghe vang lên từ trong miếu mấy câu thơ bí hiểm này, quân lính ai nấy đều nức lòng. Quân nhà Tống hoảng sợ tháo chạy trước khi bị tấn công.”

Năm 1283, khi giặc Nguyên Mông chuẩn bị sang xâm lăng nước ta lần thứ hai, **Trần Hưng Đạo** đã soạn xong cuốn *Binh thư yếu lược* trong đó có bài *Hịch tướng sĩ*, viết những câu tha thiết với sự tồn vong của đất nước như : “*Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột*

*đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ cảm tức rằng chưa được sả thịt lột da của quân giặc, dẫu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền, cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương có ít thì ta tăng cấp, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười... Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn, thân làm tướng phải hầu giặc mà không biết tức”* (Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, bản in lần thứ VII, Tân Việt xb, 1964, trang 138). Trần Hưng Đạo đã lồng chủ quyền đất nước vào chủ quyền của nhà Trần qua đó nói lên mối liên hệ hữu cơ giữa dòng tộc cầm quyền với thuộc hạ và quần chúng ở dưới. Trần Hưng Đạo đã thiết thực nói đến hệ quả tương ứng một khi kẻ thù bị đẩy lui *“chẳng những là thái ấp của ta được vững bền, mà các người cũng đều được hưởng bổng lộc,, chẳng những là gia quyến của ta được yên ổn, mà các người cũng đều được vui với vợ con...”* Tư liệu được ghi lại trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên qua bản dịch của Trần Trọng Kim diễn tả rõ chủ quyền của một đất nước tiên vãn xuất phát từ trách nhiệm của nhà lãnh đạo đối với sự sống còn chẳng những của triều đại mà còn với tương lai của bá tánh nhân dân nữa.

Trong cuộc chiến tranh Nguyên Mông, chính nghĩa và chủ quyền của Đại Việt bộc lộ rõ nhất trong biến cố hội nghị Diên Hồng khi *Toàn Thư* chép rằng : *“Tháng chạp... Thượng hoàng (tức Trần Thánh tông) triệu tập những người lớn tuổi trong nước lại ở trước điện Diên hồng, cho ăn tiệc để hỏi kế. Tất cả đều nói: Đánh. Muôn người rập một tiếng như thốt ra bởi một miệng vậy.”* (*Toàn Thư bản kỷ, q.5, tờ 44a*). Qua sự kiện này rõ ràng chủ quyền nằm ở trong tay quần chúng.

Trong bài “Bình Ngô Đại Cáo” **Nguyễn Trãi** đã nói rõ chủ quyền, phương vị của đất nước Đại Việt như sau:

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt chỉ vì khừ bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.”*

Nếu chủ quyền vốn đã được hành sử trong tay của giới quý tộc nhà Trần và họ đang cố giữ cho khỏi mất đã là một vấn đề khó khăn thì đến giai đoạn kháng Minh của Lê Lợi thế kỷ XV, chủ quyền đất nước đã mất hẳn vào tay ngoại bang nên việc lấy lại quyền làm chủ non sông Đại Việt càng khó khăn gấp vạn lần, bởi lẽ Lê Lợi xuất thân chỉ là một nạn nhân như muôn nghìn nạn nhân khác dưới nền đô hộ của quân Minh. Qua 10 năm kháng chiến Lê Lợi đã thành công và lấy lại được chủ quyền bởi vì ông có một lòng kiên quyết, biết nhận định tình hình, mưu lược, biết tiến, biết thoái, biết sử dụng nhân lực, tài lực v.v... Nói như sử gia Nguyễn Phương : *“Sự xuất hiện của Lê Lợi trên chiến trường Việt Nam là sự xuất hiện của một vị cứu tinh kiên gan, khôn khéo, và can đảm, mưu lược. Nhờ kiên gan, khôn khéo, ông đã kích động và quy tụ được tiềm lực kháng chiến của nhân dân, nhờ can đảm, mưu lược ông đã toàn thắng được giặc mạnh. Nhưng sự xuất hiện của Lê Lợi không phải nói lên chỉ có thế. Nó còn chứng minh tính cách tự*

*tồn cổ hữu của quốc gia Việt Nam.*” (Nguyễn Phương, *Đà lịch sử...Tập san Sử Địa số 1*, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1966, trang 32).

Một biến cố trọng đại trong lịch sử Việt Nam nữa đó là việc **Nguyễn Huệ** đại phá quân Thanh năm 1789 có liên quan mật thiết đến chủ quyền Việt Nam. Tháng mười năm Mậu Ngọ (1788), Tôn Sĩ Nghị lấy quân bốn trấn Quảng đông, Quảng tây, Quý châu, Vân nam khoảng 20 vạn người để tiến vào Đại Việt. Phản ứng của Nguyễn Huệ là nổi giận xung thiên không ngần ngại chửi bới: “*Quân Ngô, đồ chó ấy, sang đây để mà chết.*”

Trong lời hiệu dụ trước ba quân, Nguyễn Huệ đã làm sáng tỏ chân lý về chủ quyền đất nước và ý đồ tham hiểm của giặc phương Bắc như sau:

*“Quân Thanh sang lấn nước ta, hiện chúng đã đóng ở thành Thăng long các người có biết hay không? Trong khoảng trời đất phận sao đã được định rõ phương nam phương bắc, nước nào cai trị nước ấy. Người Tàu không phải nòi giống nước ta, bụng họ ắt là khác hẳn. Từ đời nhà Hán đến nay họ đã mấy phen chiếm cướp đất cát, giết hại nhân dân, vợ vét của cải. Người nước ta không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi (...) Ngày nay quân Thanh lại sang, định lấy nước ta đặt làm đất quận huyện của chúng, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đuổi. Các người đều đủ lương tri, lương năng nên phải dốc lòng hết sức với ta để dựng công lớn, chớ quen thói cũ mang lòng nhị tâm. Nếu như phát giác, ta sẽ tức khắc giết chết, không tha một người nào. Đừng trách ta không báo trước.”* (Tạ Chí Đại Trường, *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam, từ 1771 đến 1802*, Văn Sử Học, 1973, trang 169).

Cũng trong lời hiệu dụ đó, Nguyễn Huệ khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền của đất nước: “

*...Đánh cho nó chích luân bất phát;  
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn;  
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.”*

Và với lực lượng của ông hơn 10 vạn, Nguyễn Huệ đã viết lịch sử chiến thắng một cách vẻ vang trước bọn Thanh xâm lược.

Tuy nhiên tác giả Tùng Phong (Ngô Đình Nhu) trong “Chính Đê Việt Nam” đã viết về “tâm lý thuộc quốc” từng ghi rằng: “*Họa xâm lăng đe dọa dân tộc chúng ta đến nỗi, trong một ngàn năm lịch sử từ ngày lập quốc, trở thành một ám ảnh cho tất cả các nhà lãnh đạo của chúng ta. Và do đó mà lịch sử ngoại giao của chúng ta lúc nào cũng bị chi phối bởi một tâm lý thuộc quốc. Hai lần Lý Thường Kiệt và Nguyễn Huệ tìm cách đả phá không khí lệ thuộc đó. Nhưng mặc dầu những chiến công lừng lẫy và tài ngoại giao rất khéo, hai nhà lãnh đạo trứ danh của dân tộc cũng phải khuất phục trước thực tế.*” (Tùng Phong Ngô Đình Nhu, *Sách đã dẫn*, trang 77)

Cũng trong tác phẩm nổi tiếng đó, Tùng Phong (Ngô Đình Nhu) còn viết về tâm lý thuộc quốc một lần nữa và đưa ra một kiến giải mới như sau: “*Tâm lý thuộc quốc bắt đầu từ hai sự kiện. Tương quan lãnh thổ và dân số giữa hai quốc gia là một nguyên nhân tự ty mặc cảm. Sự lệ thuộc của Việt Nam đối với văn hóa Tàu là một lý do khác. Tương quan lãnh thổ và dân số là hai điều kiện vật chất hiển nhiên khó thay đổi được. Tuy nhiên, trong khung cảnh chính trị của thế*

giới ngày nay, sự bang giao giữa Việt Nam và Trung Hoa không còn nằm trong khuôn khổ xưa nữa và không còn là một sự kiện chỉ liên quan đến hai quốc gia.

Trong lĩnh vực văn hóa, một dân tộc lớn hay nhỏ, do sự góp phần nhiều hay ít của dân tộc ấy vào di sản của văn minh nhân loại. Trong lịch sử cổ Hy Lạp, thành Athen nhỏ bé được tôn sùng là người hướng đạo của dân tộc hy Lạp, vì sự góp phần to tát vào di sản văn minh Hy Lạp. Điều kiện văn hóa này, chúng ta có thể chủ động được, miễn là công cuộc phát triển của dân tộc thực hiện được. Và thế hệ của chúng ta có thể có đủ điều kiện và hoàn cảnh để thực hiện ý chí của Lý Thường Kiệt và Nguyễn Huệ, tiêu diệt tâm lý thuộc quốc đã mấy ngàn năm bao trùm dân tộc và ám ảnh các thế hệ lãnh đạo của chúng ta. Xem thế, chúng ta càng ý thức tính cách quan trọng của công cuộc phát triển dân tộc trong giai đoạn này.” (Tùng Phong-Ngô Đình Nhu, Sách đã dẫn, trang 110).

Trong lịch sử cận đại, chủ quyền đất nước giai đoạn Pháp thuộc nằm gọn trong tay người Pháp và đã có biết bao phong trào đấu tranh, tổ chức cách mạng, nhân vật lịch sử dần thân tranh đấu để giành lại trong gần một thế kỷ. Những người muốn vinh thân phì gia hay cốt tìm miếng đỉnh chung thì dù hoạt động trong môi trường chính trị họ chỉ nhìn chủ quyền đất nước như là một chiêu bài để hoàn thành công việc của một đầy tớ với một ông chủ, còn những người có tâm huyết thực sự sống chết đối với đất nước, họ nhìn chủ quyền quốc gia là một lý tưởng phải tôn thờ, trân quý và xả thân phục vụ. Công cuộc phát triển dưới thời TT Ngô Đình Diệm cho thấy nỗ lực phá bỏ tâm lý thuộc quốc đối với Trung Hoa hay đối với Hoa Kỳ bộc lộ qua đoạn văn nói trên dưới ngòi bút của Ngô Đình Nhu vẫn còn giá trị hiện thực đối với đất nước VN ngày nay.

### 3.- Sự cần thiết trong rèn luyện kỹ năng chính trị và dấu ấn của những người đi trước...

Trong cuốn *Tam Tự Kinh*, một cuốn sách mà Tiên sĩ Phùng Hữu Lan (Fung Yulan 1895-1990) cho là căn bản của triết lý đạo học Trung Quốc, chúng ta đọc thấy câu “**Nhân bất học, bất tri lý**” để nói lên rằng sự học là rất cần thiết. Nghề nghiệp tay chân cũng phải học, phải rèn luyện hướng chỉ là việc dần thân vào con đường chính trị lại càng phải học nhiều hơn nữa, học nữa, học mãi.

Ở Hy Lạp, một nhà hiền triết, Plato (428-347 trước Công Nguyên) đã từng đề nghị đào tạo một lớp chuyên viên lãnh đạo chính trị, những người không phải chỉ được huấn luyện về nghệ thuật chỉ huy mà còn phải được huấn luyện và có một truyền thống về một triết lý sống tốt đẹp. (Barbara W. Tuchman, *The March of Folly: From Troy to Vietnam* (1984), Trần Bình Nam, *Con đường tự diệt*, Trang web Thông-Luận, 24-04-2006).

Một triết gia lừng danh thời cổ Hy-Lạp, học trò của Plato, Aristote (384-323) từng nói “*Con người là một con vật biết làm chính trị*” (Man is a political animal) và nhà cách mạng Tôn Dật Tiên của Trung Hoa (Sun Yat-sen 1866-1925) cũng có phát biểu : “**Chánh** là việc của chúng nhơn, **trị** là quản lý, và **chánh trị** là quản lý của tất cả mọi người.” (Hùng Nguyên, *Chủ nghĩa Dân tộc Sinh tồn, chủ nghĩa quốc gia khoa học*, Quyển II, 1964, trang 9).

Như vậy chính trị là việc ai cũng làm được vì đó là điều “sinh nhi tri chi” và là bổn phận của mọi người, trong khi đó một nhà đại hiền triết Á Đông, Khổng Tử, tuy không phản đối các quan niệm nói trên, nhưng lại nhấn mạnh rằng những người làm chính trị cần phải có khả năng và được huấn luyện nghĩa là : **“Phải học trước rồi mới làm chính sự.** “ Trong thiên *Tiên Tiến* của cuốn *Luận Ngữ*, có ghi lại câu chuyện như sau: “*Tử Lộ sử Tử Cao vi Phí tế. Tử viết: “Tặc phù nhân chi tử”. Tử Lộ viết: “Hữu dân nhân yên, hữu xã tắc yên, hà tất độc thư nhiên hậu vi học?” Tử viết: “Thị cố ố phù nịnh giả”. 子路使子羔爲費宰. 子曰: 賊夫人之子. 子路曰, 有民人焉, 有社稷焉, 何必讀書, 然後爲學. 子曰, 是故惡夫佞者.*

Dịch : *Tử Lộ (làm gia thân họ Quý), tiến cử Tử Cao làm quan tế đất Phí. Khổng tử trách: “Như vậy là làm hại con người ta” (vì Tử Cao chưa học được bao, chưa làm quan được). Tử Lộ bảo: “(Làm chức tế thì) có nhân dân để trị, có thần xã (đất đai), tắc (mùa màng) để thờ (đó là học), hà tất phải đọc sách rồi mới gọi là có học?” Khổng tử nói: “Vì thế mà ta ghét những lời lợi khẩu (cuồng lý để tự biện hộ)”. (Nguyễn Hiến Lê, *Khổng Tử & Luận Ngữ*, Nhà xb Văn Học, 2003, trang 404).*

Linh mục Tiến sĩ Séraphin Couvreur, S.J. trong bản dịch bộ *Tứ Thư* tái bản ở Paris năm 1981 (Les Quatre Livres de Confucius), đã bỏ tước một vài chữ giải thích trong đoạn trích trên như sau: “*Tzeu Iou avait nommé Tzeu kao gouverneur de la ville de Pi. Le Maitre dit: “C’est faire grand tort à ce jeune et à son père.”*... (trang 193). Linh mục Couvreur là một nhà Trung Hoa học nổi tiếng trong thế kỷ trước, đã cho biết con người ta mà cụ Nguyễn Hiến Lê nói không rõ lắm đó là **“người trẻ đó và cha anh ta”** (ce jeune et son père).

Về sau người ta lại có thể hiểu đoạn văn đó là : Khổng tử chủ trương rằng ”*phải học trước đã rồi mới làm chính sự được. Nếu kẻ vô học cai trị dân thì theo Khổng Tử, thế là “làm hại con người ta” (Tiên Tiến, XI/24).* (Hoàng Văn Lân, *7 luận điểm về kẻ sĩ trong học thuyết Khổng Tử*, Trang điện tử Talawas, 10-3-2007). Con người ta ở đây là bản dân thiên hạ, là các thế hệ tương lai, khắp nơi, khắp chốn.

Lời nói của Khổng Tử thật là sâu sắc, tuy ngắn nhưng có nhiều gợi ý và điều này cũng nói lên giá trị ngàn đời của cuốn *Luận Ngữ*, và ngài được vua Khang Hi (1654-1722) phong bốn chữ “**Vạn Thế Sư Biểu**” cũng là đúng thôi.

Ngày nay trong các trường đại học trên thế giới nhất là Hoa Kỳ đều có dạy môn chính trị học, và chính trị được coi là một môn khoa học (Political Science). Alexis Tocqueville (1805-1859) một văn sĩ và chính khách người Pháp, một trong những nhà kinh điển hàng đầu của khoa chính trị học và từng được coi là “Montesquieu của thế kỷ XIX”, trong cuốn sách danh tiếng (*De la Démocratie en Amérique*) đã có nói: “*Cần có một khoa học chính trị mới mở cho một thế giới hoàn toàn mới.*” (*Il faut une science politique nouvelle à un monde tout nouveau*).

Đối với một quốc gia nhược tiểu như đất nước VN, người Pháp luôn luôn thẳng tay đàn áp các phong trào nổi dậy mà không thực tâm khai hóa để giúp dân tộc chúng ta tiến lên, vì thế không như Ấn Độ là nơi mà người Anh không nặng tay lắm nên Ấn Độ có một tầng lớp chính trị gia bản xứ đông đảo thuộc tầng lớp trung lưu, Việt Nam trái lại không được như vậy. Nhận định sau đây của sử gia Nguyễn Thế Anh cho thấy rõ hơn tình trạng khiếm khuyết về lãnh đạo khi dân tộc chúng ta có cơ hội giành được độc lập: “*Chính sách của chính phủ bảo hộ có một hậu quả*

không mấy tốt đẹp là nó khiến những phần tử ôn hòa từ bỏ hoạt động chính trị vì không muốn bị khó khăn với chính quyền; trái lại, những người không bị ràng buộc bởi những liên hệ hay quyền lợi xã hội lại hướng tới các phương pháp bạo động của sự đấu tranh bí mật nhiều hơn trước. Tình trạng này làm cho nước Việt Nam có nhiều cán bộ cách mạng hơn là chính trị gia, nghĩa là thiếu những nhân vật có khả năng nghiên cứu và giải quyết những vấn đề hành chính quốc gia, một khi giành được độc lập.” (Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Tủ sách Sử-Địa học, Lửa Thiêng xb., 1970, trang 432).

TT Ngô Đình Diệm vốn xuất thân từ một gia đình có thân nhân làm quan triều Nguyễn, được huấn luyện kỹ càng trong lãnh vực quản trị hành chính, tư cách đạo đức của người cầm quyền và đời sống gương mẫu của một tín đồ Công Giáo. Trong cuốn *The Two Vietnams*, sử gia Pháp Bernard B. Fall (Frederick A. Praeger, USA, 1967, trang 240) viết: “Ông Hồ vốn biết ông Diệm có thiên tài về hành chính và quản trị, và cũng thấy rõ sự kém khùng khiếp của đàn em mình trong lãnh vực khó khăn đó, nên đã cho mời vị quan này đứng về phe mình và đề nghị trao ông chính cái công việc mà ông đã làm dưới quyền Bảo Đại: Bộ Nội Vụ.”

Có ba người đã để lại dấu ấn trong chính sách và đường lối của TT Ngô Đình Diệm đó là cụ Ngô Đình Khả, cụ Nguyễn Hữu Bài và cụ Phan Bội Châu.

Một sử gia nổi tiếng của Hoa Kỳ, Mark Moyar, trong tác phẩm *Triumph Forsaken, The Vietnam War, 1954-1965*, đã viết về dòng tộc của Cố TT Ngô Đình Diệm như sau : “*The son of the famous mandarin Ngo Dinh Kha, Diem could trace his roots all the way back through Ngô Quyền, the first king of Vietnam.*” (Cambridge University Press, 2006, trang 10). Dịch: “*Là con trai của vị đại thần danh tiếng Ngô Đình Khả, Ngô Đình Diệm có thể vạch lại toàn bộ nguồn gốc của mình lên tới Ngô Quyền, vị vua tiên khởi của Việt Nam.*”

Theo Lữ Giang, một tài liệu nói dòng họ Ngô Đình Diệm trước sinh sống ở Sơn Tây, một tỉnh ở phía tây bắc Hà Nội, cách Hà Nội khoảng 42 cây số. Dòng họ này đã di cư vào Quảng Bình khoảng thế kỷ 15 dưới thời Lê Thánh Tông, lúc đầu cư ngụ ở thôn Xuân Dục, xã Xuân Ninh, phủ Quảng Ninh, bên bờ sông Long Đại... Nhưng ông Ngô Vui, Chủ tịch Hội đồng Ngô tộc Việt Nam, cho biết hiện nay đã liên kết được 208 chi họ nhà Ngô có gia phả ở 29 tỉnh thành trong cả nước và được biết gia tộc giòng họ Ngô Đình Diệm phát xuất từ ông Ngô Trùng, Tham Đốc Nghị Quốc Công, hậu duệ là họ Ngô Lạc Nghiệp ở Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định. Họ Lạc Nghiệp phân chi đi nhiều nơi, trong đó có họ Ngô Vạn Xuân đi vào xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Gia tộc của TT VNCH Ngô Đình Diệm phát xuất từ nhánh đó. Trong họ Ngô Vạn Xuân cũng có một nhánh đổi sang họ Vũ. (Lữ Giang, *Đài RFA của Mỹ trúng kế Việt Cộng? Hãy nhìn lại số phận mình*, Bài trên mạng, ngày 10-11-2015. Một vài người được cho là có nghiên cứu sử học đưa ra luận điệu sai lạc về dòng tộc Ngô Đình với mục đích “bàn cùng hóa” và “cô độc hóa” gia thế cụ Diệm dần dần đã không che dấu nổi sự thật về việc làm và chủ đích của họ.

Trong cuốn *La République du Việt-Nam et les Ngô-Đình*, các tác giả Ngô-Đình Quỳnh, Ngô-Đình Lệ-Quyên (mất năm 2012), Jacqueline Willemetz đã ghi về cụ Ngô Đình Khả như sau: “*Homme de belle intelligence, de vaste culture et de grande probité, Ngô Đình Khả fonde une école privée avant d’entrer à la cour de Hué comme précepteur. Puis il devient ministre des*

*cultes et enfin conseiller de l'empereur Thanh Thai à qui il restera toujours fidèle. En Asie, le rôle du maître est tellement respecté qu'il précède même celui du père dans l'échelle hiérarchique.*" (Nhà xb. L'Harmattan, 2013, trang 13). Dịch: "Là một người rất thông minh, kiến thức văn hóa rộng, và rất mực thanh liêm, cụ Ngô Đình Khả đã xây dựng một tư thực làm quản giáo trước khi vào trong triều Huế. Cụ đảm nhận chức Thượng thư bộ Lễ và sau cùng thành cố vấn của vua Thành Thái người mà cụ trung thành cho đến suốt đời. Ở Á châu, vai trò của bậc thầy được coi trọng và kể theo thứ bậc thì còn đứng trước cả bậc cha mẹ."

Ngôi trường nói ở đây thật sự không phải là trường tư mà là một trường công do nghị định của vua Thành Thái ban hành đó là Trường Quốc Học ở Huế rất nổi tiếng, nơi đào tạo biết bao nhân tài của đất nước. (Nguyễn Đức Cung, *Diên-Lộc Quận Công NGUYỄN THÂN*, Nhà xb. Nhật-Lê, 2002, trang 380-387).

Trong cuốn sách *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*, Edward Miller có viết về cụ Ngô Đình Khả như sau: " Suốt thời thơ ấu của Diệm, cha ông là người có ảnh hưởng nhất trong gia đình họ Ngô ở Huế. Ngô Đình Khả là hiện thân của tất cả những trào lưu tôn giáo, văn hóa và chính trị định hình nên cuộc sống thời trẻ của Diệm. Ngoài việc là một tín đồ Công giáo sùng đạo, ông Khả còn có một sự nghiệp thành công trong bộ máy chính quyền bảo hộ và sau lại trở thành quan đại thần trong triều nhà Nguyễn. Là người thông thạo cả chữ Latinh lẫn chữ Hán cổ, ông Khả quyết tâm bảo đảm cho các con trai mình được học cả kinh Công giáo lẫn các tác phẩm kinh điển của Nho giáo. Nhưng ông Khả không phải là một "vị quan Công giáo" nệ cổ cứng nhắc." (Bản dịch Việt ngữ, nhóm Minh Thu-Trọng Minh-Kim Thoa, Nhà xb Chính Trị Quốc Gia - Sự Thật, Hà Nội, 2016, trang 34).

Cũng trong tác phẩm đó, Edward Miller viết tiếp: "Ngô Đình Khả là một người cha khắt khe và tác động của ông đối với thời trẻ của Diệm rất sâu sắc. Hồi còn bé, Diệm mắc chứng dị ứng với món cá. Thật không may, cái lệ Công giáo ăn cá vào những ngày thứ Sáu được gia đình họ Ngô tuân thủ nghiêm ngặt, và ông Khả bắt Diệm ăn bằng hết những gì được bung ra, dù rằng sau đó Diệm thường nôn mửa. Ngoài việc thực thi gắt gao chế độ ăn của gia đình, ông Khả còn kỳ vọng rất nhiều vào việc học hành của con trai mình. Trước yêu cầu cương quyết của ông Khả, Diệm buộc phải đăng ký vào học tại Trường dòng Bình Linh (cũng gọi Trường dòng Pellerin), một trường tiểu học Công giáo ở Huế. Giống như Trường Quốc học, trường Bình Linh có chương trình học Pháp-Việt kết hợp và được giảng dạy bằng cả tiếng Pháp, tiếng Latinh lẫn tiếng Hán cổ. Diệm nhanh chóng thông thạo ba thứ tiếng này và sau này có người còn cho rằng ông học chăm chỉ đến mức gần như bị ám ảnh. Sự nỗ lực của ông xuất phát một phần từ tư tưởng ganh đua dữ dội của người một nhà với hai anh ruột của ông là Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Thực. Khôi lớn hơn Diệm 10 tuổi, quyết tâm theo nghiệp ông Khả, theo học quản lý hành chính để sau này tham gia vào bộ máy công chức, quan lại. Thực hơn Diệm bốn tuổi, lựa chọn con đường sự nghiệp mà ông Khả đã từ bỏ và trở thành một học sinh trường đạo." (Edward Miller, Sách đã dẫn, trang 36).

Năm 1907, cụ Ngô Đình Khả quyết liệt phản đối việc người Pháp truất quyền và đày vua Thành Thái vì cho rằng nhà vua mắc chứng tâm thần. Sử gia Edward Miller viết: "Thất vọng vì những kế hoạch cải cách của mình bị phá hỏng, ông Khả từ quan và xin rút khỏi triều đình. Khi

tin tức về những hành động của ông Khả lan rộng, các nhân vật chống thực dân trên toàn Đông Dương ngợi khen ông là nhà yêu nước. Trong số những người từng bày tỏ sự khâm phục dành cho ông Khả có người thanh niên mà sau này được thế giới biết đến với tên Hồ Chí Minh. Nhiều thập niên về sau sự phản kháng của vị quan già này vẫn được nhớ tới và tán dương trong một câu truyền miệng dân gian như sau: “Đày vua không Khả/ Đào mã không Bài.” (Edward Millers, Sách đã dẫn, trang 36).

Một người như Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi được Cụ Nguyễn Hữu Bài tiến cử với vua Bảo Đại để ra làm Thượng thư Bộ Lại và chủ tịch Hội Đồng Cải Cách năm 1933, vốn đã học hỏi rất nhiều và có lắm kinh nghiệm về vấn đề chính trị và quản trị hành chính. Điều này dĩ nhiên ông phải học từ những vị được giao tiếp thường ngày như cụ Ngô Đình Khả, cụ Nguyễn Hữu Bài, rồi cụ Phan Bội Châu, và các vị giám mục, linh mục trong hàng ngũ chức sắc Công Giáo ngoại quốc cũng như Việt Nam, các vị bề trên dòng tu, các tu sĩ và giáo dân v.v... Ngoài việc học được những kinh nghiệm xử thế, kiến thức, chữ nghĩa, có lẽ ông cũng học được nơi các bậc tiền bối và nhiều người các đức tính khác của một nhà lãnh đạo một đất nước. Việc giới thiệu này chắc chắn đã được cân nhắc rất kỹ càng giữa người tiến cử và người được tiến cử. Hơn nữa, TT Ngô Đình Diệm đã chứng tỏ khả năng và tinh thần làm việc của mình từ thời gian làm công tác phiên dịch một số tài liệu Pháp Văn, Hán Văn (thời gian là học viên Trường Hậu Bổ ở Hué) cho Tòa báo *Bulletin Des Amis Du Vieux Hué* (Đô Thành Hiếu Cổ), mà đối với giới nghiên cứu sử học đó là những tư liệu rất quý. rồi đảm nhận chức vụ tri huyện Hải-Lăng (Quảng Trị), Quản đạo Ninh Thuận rồi Tuần phủ Bình-Thuận...

Theo gia phả của cụ Nguyễn Hữu Bài, thủy tổ của cụ là Nguyễn Trãi (1380-1442) tức Nhị Khê Hầu, đệ nhất công thần đời Hậu Lê. (Nguyễn Thúc, *Thơ Nôm Phước Môn, Bảng Thế-hệ Họ NGUYỄN-HỮU*, bản in lần thứ nhất, 1959, trang 26-30). Trong dòng tộc của cụ Nguyễn Hữu Bài, người ta đọc thấy các danh nhân như Nguyễn Triều Văn tước Triều-Văn Hầu thời Lê. Ông Nguyễn Triều Văn sinh ra tướng Nguyễn Hữu Dật giúp triều Nguyễn có công đánh Trịnh lấy được Nghệ An, Quảng Bình. Con ông Dật là Nguyễn Hữu Hào và Nguyễn Hữu Cảnh có công đánh Chiêm Thành, Chân Lạp. Nguyễn Hữu Cảnh xây dựng sự nghiệp lớn của mình trong cuộc Nam Tiến. Ông Nguyễn Hữu Cảnh (Lễ Thành Hầu) sinh ra Nguyễn Hữu Tứ (tính từ Nguyễn Trãi xuống ông này là 12 đời). Ông Tứ sinh ông Hiệp. Ông Hiệp sinh ra ba ông Nguyễn Hữu Hoãn, Nguyễn Hữu Ba, Nguyễn Hữu Quỳnh. Ông Nguyễn Hữu Quỳnh theo Công Giáo được chức Vệ-Úy dưới thời Gia Long, có nhiều công trạng nhưng vì trung thành với Đức tin Công giáo, ông chịu bỏ đạo nên ông bị vua Minh Mạng xử giáo (thắt cổ) ngày 10-7-1840, được Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II phong làm Hiển Thánh ngày 19-6-1988. Ông Hoãn sinh ra ông Nguyễn Hữu Trí và Nguyễn Hữu Huệ. Ông Trí sinh ra ông Nguyễn Hữu Tín đi tu làm linh mục.

Ông Nguyễn Hữu Ba sinh ra ông Đài. Ông Nguyễn Hữu Đài sinh ra ông Các. Ông Nguyễn Hữu Các sinh ra ông Nguyễn Hữu Bài. Theo cụ Nguyễn Hữu Bài cho biết dòng tộc chuyên nghề làm thuốc.

Ông Nguyễn Hữu Bài sinh ngày rằm tháng 8 năm quý Hợi tức 28-9-1863 tại làng Cao-xá, tổng Xuân-hòa, phủ Vĩnh-linh, tỉnh Quảng-Trị, gia đình theo Công Giáo, cháu của Linh mục

Nguyễn Hữu Thơ. Được bà mẹ hết lòng dạy dỗ và khi ông Bài lên 10 tuổi mẹ ông cho đi tu tại Tiểu chủng viện An Ninh. Trong thời gian 10 năm tu học ở đây, ông học rất thông minh, luôn luôn đứng đầu lớp và theo Nguyễn Thúc, biên giả cuốn *Thơ Nôm Phước Môn* chính Giám Mục Caspar “*khen ông là một thanh niên anh tuấn, tương lai thành tài đạt đức, sẽ nên đại dụng.*” Sau hòa ước Patenôtre, triều đình Huế cần sử dụng một số người biết tiếng Pháp để giúp việc tại Nha Thương bực Huế, ông cùng nhiều tu sĩ khác (như các linh mục Nguyễn Hoàng và Nguyễn Cư) quyết tâm ra đảm đương việc nước. Lúc đầu ông làm thừa phái ở Thương Bạc Ty, rồi qua Ký lục và Thông sự tại Tòa Khâm Sứ. Năm 1886, Triều đình cử ông đi với phái bộ quan binh Pháp để phân định biên giới Bắc kỳ, tiếp giáp nước Tàu. Năm 1887, Nguyễn Hữu Bài đi quân thứ đánh dẹp thổ phỉ quấy nhiễu miền thượng du Bắc kỳ. Năm 1897 ông làm Ngự Tiền Thông Sự, hộ giá vua Thành Thái đi Sài gòn. Năm 1898 ông làm Bó chánh Thanh Hóa và chính tại đây ông gặp ông Ngô Đình Khả và được ông Ngô Đình Khả vận động cho về làm việc tại Huế chức Thị lang bộ Lại rồi Tham tri bộ Hình. Năm 1902 ông ở trong phái bộ của ông Nguyễn Thân sang chính thức viếng thăm nước Pháp. Ông Nguyễn Hữu Bài là người có cùng một lập trường với ông Ngô Đình Khả trong việc chống lại người Pháp phế bỏ vua Thành Thái. Ngày 17-01-1913, Khâm sứ Georges Mahé cho đào lăng vua Tự Đức để tìm vàng nhưng bị ông Nguyễn Hữu Bài phản đối quyết liệt nên người Pháp bỏ chiến dịch này. Dân gian có câu : “Đày vua không Khả, Đào mã không Bài” là đề khen cụ Ngô Đình Khả và cụ Nguyễn Hữu Bài”. Các đức tính liêm khiết, chính trực, “uy vũ bất năng khuất” của các bậc tiền bối chắc chắn có ảnh hưởng trên chính sách của TT Ngô Đình Diệm về sau.

Đối với một người ảnh hưởng phần nào trên chính sách của TT Ngô Đình Diệm có lẽ là cụ Phan Bội Châu, khi Bernard Fall cho biết sau vụ từ chức năm 1907, cụ Ngô Đình Khả đã bắt đầu vận động giúp đỡ cho Phan Bội Châu lúc bấy giờ hoạt động dưới ảnh hưởng của Tôn Dật Tiên qua các đồng chí của ông ở Hà Nội. (Fall, *The Two Vietnams*, trang 235 và chú thích trang 479). Năm 1925, người Pháp đưa cụ Phan Bội Châu về giam lỏng ở Bến Ngự, Huế và trong thời gian từ 1925-40, cụ Ngô Đình Diệm đã có nhiều dịp tiếp xúc với cụ Phan Bội Châu.

Edward Miller ghi nhận rằng: “*Diệm thân tượng Phan Bội Châu về những gì ông đã làm được với tư cách là một nhà cách mạng, vậy nên không có gì ngạc nhiên khi hai người trở nên thân thiết kể từ khi Diệm từ chức vào năm 1933 đến khi Phan Bội Châu qua đời vào năm 1940. Diệm cũng rất kính trọng Phan Bội Châu về kiến thức Nho giáo, nhất là những bình luận thông thái của Phan Bội Châu về những bản văn Nho giáo kinh điển vào những năm tranh tối tranh sáng đó.*” Ở một đoạn khác, sử gia này còn cho biết Phan Bội Châu “*quả quyết rằng, Nho giáo, khi được gạn lọc về nội dung cốt lõi, có thể trở nên rất linh hoạt và có thể trả lời cho rất nhiều câu hỏi và vấn đề hiện thời.*” Đối với tư tưởng này của “ông già Bến Ngự”, “*Diệm hoàn toàn tán thành quan điểm của Phan Bội Châu về Nho giáo như một dạng triết lý xã hội linh hoạt, có thể áp dụng vào các vấn đề đương đại của Việt Nam. Sau năm 1954, người ta sẽ nhận thấy sự rập khuôn theo quan điểm của Phan Bội Châu trong quan điểm về chế độ dân chủ và các nỗ lực của Diệm nhằm đưa ngôn ngữ và những khái niệm Nho giáo vào các chương trình xây dựng quốc gia của mình.*” (Edward Miller, *Sđd*, trang 42).

Một số tác giả Hoa Kỳ coi TT Ngô Đình Diệm là người theo chủ nghĩa Khổng tử cuối cùng (The Last Confucian) nhưng họ không hiểu con người Ngô Đình Diệm, nhất là những nhà báo trẻ tuổi ít kiến thức về Á châu học như David Halberstam, Neil Sheenan chẳng hạn.

#### 4.- Tổng Thống Ngô Đình Diệm và vấn đề chủ quyền đất nước.

Trong cuốn *Chính Đê Việt Nam*, tác giả Tùng Phong (Ngô Đình Nhu) cho biết : “*Thì hành đúng theo chủ nghĩa Đê quốc của họ chủ trương, người Pháp không bao giờ muốn, và cũng không bao giờ thực hiện việc đào tạo những người bản xứ có đủ khả năng để làm những công việc mà người Pháp đang làm và để, trong tương lai thay thế họ. Thoảng như có những người bản xứ, nhờ những nỗ lực riêng, mà thấu thập được một sự đào tạo lý thuyết ngang hàng với những nhân viên cao cấp của họ, thì không bao giờ người Pháp lại giúp cho những người ấy những hoàn cảnh thuận lợi để họ có thể thấu thập những kinh nghiệm lãnh đạo cần thiết.*” (Tùng Phong, Nhà xb. Hùng Vương, trang 26, dựa theo bản in của Nhà xb Đòng-Nai).

Cụ Ngô Đình Diệm chính là điển hình của một người Việt Nam mà đoạn văn trên vừa mô tả. Là người đã thừa hưởng một nền giáo dục nghiêm túc trong gia đình, đã trải nghiệm nhiều năm trong vấn đề quản trị hành chánh, tiếp xúc nhiều với đủ hạng người trong xã hội, thu tập được nhiều kinh nghiệm với giới trí thức ngoại quốc cũng như quốc nội, đã được huấn luyện để có đủ khả năng điều hành một quốc gia và điều này trái ngược với chủ trương cố hữu của người Pháp như đã thấy ở trên, Cụ đã tự rèn luyện, tự học hỏi để trở thành một bậc xuất chúng, đã khiến cho nhiều sử gia ngoại quốc, nhiều chính khách phải đi từ ngạc nhiên đến thán phục.

Qua cuốn sách chính luận nói trên, tác giả Tùng Phong đã viết rằng: “*Những nhà lãnh đạo xứng danh bao giờ cũng hành động theo một triết lý chính trị mà họ đã nghiền ngẫm lâu ngày, trước khi mang ra thực hành.*” Vấn đề chủ quyền đất nước đối với TT Ngô Đình Diệm là một chủ đề đã được suy tư, biện giải, nghiền ngẫm để trở nên một lý tưởng, và bao lâu chưa làm hết sức mình để đạt cho được lý tưởng đó Cụ vẫn còn nhất quyết đấu tranh từ khởi thủy cho đến chung cuộc. Ý thức rằng chủ quyền nằm tận mạn trong dân chúng cho nên để có sức mạnh huy động được dân chúng, người lãnh đạo phải làm việc vì dân, sống chết vì dân, đi sát vào cuộc sống của người dân nhất là ở nông thôn.

Thời cụ trấn nhậm vùng Phan Rang là một thời bất an, vì bấy giờ Cộng sản bắt đầu bạo hành trên toàn cõi Đông Dương. Nhưng càng gặp khó khăn, cụ Diệm càng tỏ ra tài cán. Thay vì đục nước béo cò, nước càng đục phèn càng quý. Đang khi phòng Nhì Pháp bắt bớ dân chúng vì tình nghi Cộng sản, cụ lại càng ra tay bênh vực dân lành. Một tác giả không mấy tử tế với họ Ngô (Denis Warner, *The Last Confucian*, New York, MacMillan, 1963, tr. 70) đã phải nói tóm tắt về Cụ trong thời đó như sau: “*Đối với Pháp, Ông là một công chức gương mẫu, đối với người Việt, Ông là một nhà cầm quyền trẻ tuổi mà tài cán, hết mực cần cù, làm tròn phận sự mà bàn tay không bị vấy bẩn.*” (Nguyễn Phương, *A parade of American puppets*, trang 14).

Trong cương vị là quản đạo hay tuần phủ ở một tỉnh nhỏ hay tỉnh lớn, cụ được cấp phương tiện xe kéo, lính hầu nhưng cụ dùng ngựa, vừa nhanh và có thể đi sâu vào các vùng xa xôi, hẻo lánh, thấy rõ được dân tình.

Đồng liêu với cụ Ngô Đình Diệm vào giai đoạn này có cụ Tôn Thất Hoàn làm tri huyện Nghi Lộc, Nghệ An, đã bị Cộng Sản huy động dân quê trong Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh giết vào ngày 2-01-1931 khi cụ Hoàn tới hiểu dụ đám đông giải tán mặc dù có đem theo hộ vệ. Cuộc đời liêm chính của cụ Tôn Thất Hoàn và sự hiến thân vì lý tưởng đất nước của cụ cũng không khác gì tinh thần làm việc của cụ Ngô Đình Diệm; bởi vậy mà sau cái chết của cụ Hoàn, Thượng Thư Bộ Binh Phạm Liệu, người Quảng Nam, Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1898) có đôi câu đối khắc treo ở miếu thờ cụ Tôn Thất Hoàn tại Nghi Lộc, Nghệ An đã được nhân dân lưu truyền như sau:

爲國亡軀勇敢一身行獨馬  
出家化佛英雄千古葬雙魚

Phiên âm:

*Vì quốc vong khu, dũng cảm nhất thân hành độc mã,  
Xuất gia hóa Phật, anh hùng thiên cổ táng song ngư.*

Dịch nghĩa:

*Vì nước quên thân, dũng cảm một mình lên đường với một ngựa.  
Xuất gia hóa Phật, anh hùng muôn thuở vùi thây tại Song ngư (Cửa Lò).*

Tinh thần làm việc vì quốc gia, vì dân tộc của các bậc tiền nhân dưới triều nhà Nguyễn thật đáng khâm phục, không như ‘cán bộ’ đảng Cộng sản Việt nam ngày nay chỉ biết tham nhũng mà thôi.

Nhìn vào mối liên hệ giữa Ngô Đình Diệm với cụ Nguyễn Hữu Bài rất mật thiết sau khi cụ Ngô Đình Khả mất (1923) người ta thấy được lý tưởng trong sáng đó. Theo Edward Miller, mặc dầu cụ Nguyễn Hữu Bài bị mất chức trong cuộc cải tổ nội các của Bảo Đại năm 1933, nhưng để xoa dịu vị quan già này, người Pháp đã đưa đệ tử ruột của cụ là Ngô Đình Diệm vào vị trí Thượng thư bộ Lại, nhưng chưa đầy hai tháng sau khi được đề bạt vào nội các, ông Diệm từ chức. “*Trong một bức thư gửi vua nhà Nguyễn - một thiếu niên được gọi là Bảo Đại, người sẽ có nhiều mối tiếp xúc khác với Diệm vào những năm sau này - Diệm dẫn ra những lời phàn nàn về sự hà hiếp của Pháp đối với chủ quyền Việt Nam mà ông Bài đã dâng thưa trước đó...*” (Edward Miller, Sđd, trang 39). Hành động từ quan, mà là một chức quan lớn đầu triều của cụ Ngô Đình Diệm, khi mới 32 tuổi, không chỉ khiến cho nhiều người trong triều Nguyễn và khắp nước thán phục mà còn làm một nhà cách mạng đã một đời dấn thân vì đất nước, cụ Phan Bội Châu cũng phải kính trọng với những lời như sau: “*Ông Ngô Đình Diệm, con người có tâm huyết, biết thương giống nòi, biết nhục vong quốc, nên ông mới dám chống lại cường quyền, lui về ẩn tích, đợi thời tuyệt si. Đó mới là đáng bậc CHÍ SĨ, VĨ NHÂN, tất sau này cuộc Phục Hưng chỉ có hạng người ông Diệm mới làm nổi... Ta muốn tặng ông Diệm một bài thơ để tỏ lòng kính trọng bậc thiếu niên hiền triết... Ông Diệm bây giờ mới là ông lớn thật sự.*” (Minh Võ, Ngô Đình Diệm: Lời khen tiếng chê, Thông Vũ tái bản lần thứ nhất, California, tháng 10-1998, trang 42). Biết rằng người Pháp còn quyết liệt nắm lấy chủ quyền đất nước và mình sẽ không làm được gì nên cụ Diệm đã từ chức.

Tháng 2 năm 1946, khi bị Hồ Chí Minh bắt và đưa về gặp họ Hồ ở Bắc Bộ phủ, cụ Ngô Đình Diệm lúc đó đang bị bệnh sốt rét nặng, đã từng tỏ khí phách can trường trong một cuộc đối

thoại căng thẳng, giữa hai người qua đó cụ Ngô đã từ chối đề nghị cộng tác với Hồ Chí Minh qua chức vụ Bộ trưởng Nội vụ:

-“*Không thể được, ông có chính sách cứu nước của ông, và tôi có chính sách cứu nước của tôi. Ông có cam đoan được rằng ông sẽ bỏ thuyết vô sản chuyên chính không? Khắp nơi, cán bộ ông đang thi hành thuyết đó. Họ giết hết các nhà quốc gia chân chính. Họ giết cả anh em tôi.*”

Đến đây Hồ Chí Minh cảm thấy phải chữa mình. Ông nói:

-“*Vậy mà tôi không hay biết gì cả. Nước đang lâm cảnh loạn ly. Xin ông ở lại với tôi để cùng nhau chống Pháp.*” Dường như cả hai người đều hiểu rằng chỉ có vì sợ cụ Diệm mới chấp nhận. Cụ lên tiếng: “*Ông biết tôi là ai không? Tôi không phải hạng hèn nhát*”. Hồ Chí Minh vội vàng nói đỡ: “*Không, ông không hề hèn nhát*”. Cụ Diệm tiếp: “*Vậy thì để cho tôi đi*”. Và Hồ Chí Minh để cụ Diệm ra đi. (Trúc Long Nguyễn Phương, *Sơ lược về thân thế & sự nghiệp của Cố TT Ngô Đình Diệm*, Trích Tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, số 118).

Edward Miller trong bài viết được Hoài Phi và Vy Huyền dịch ra Việt ngữ có tên “*Viễn kiến, quyền lực và tính chủ động: Con đường lên nắm quyền của Ngô Đình Diệm, 1945-1954*” (Talawas 9.8.2007) đã có viết: “*Không có lý do gì để nghi ngờ việc Ngô Đình Diệm tuyên bố ông dùng những lời lẽ sắc bén và chua chát trong cuộc gặp đó, vì ông biết rằng quân Việt Minh bắt và xử tử người anh cả Ngô Đình Khôi của mình mấy tháng trước đó. Mặt khác, khi câu chuyện được Ngô Đình Diệm kể lại về cuộc gặp này vào sau năm 1954 lược bỏ sự thực rằng ông đã sẵn lòng tham gia một chính phủ Việt Minh nếu như Hồ Chí Minh chỉ cần đồng ý với yêu cầu để ông nắm giữ một số mặt trong chính sách.*”

Trong chú thích số 13 ở dưới Edward Miller có viết : “*Ngô Đình Diệm trước đó đã từng công nhận rằng mình hẳn đã tham gia chính phủ của Hồ Chí Minh để đổi lấy việc được nắm quyền trong chính sách an ninh của Việt Minh; xem Ellen J. Hammer, *The Struggle for Indochina, 1940-1955* (Stanford: Stanford University Press, 1966), trang 149-150; và Memorandum of Conversation, Edmund S. Gullion, 8 May 1953, *Foreign Relations of the United States [FRUS] 1952-1954*, vol. 13 (Washington: Government Printing Office, 1982), trang 553-554.*”

Một nhà nghiên cứu sử, Minh Võ cung cấp thêm một chi tiết cần được kiểm chứng là trong biên cố gặp gỡ này “*Ông đòi quyền thay đổi, chi phối chính sách của ông Hồ, như một điều kiện để hợp tác.*” (Minh Võ, *Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc*, Hồng Đức xb. 2008, trang 122). Thật sự thì cụ Ngô đã thẳng thừng (carrément) bác bỏ đề nghị hợp tác của Hồ Chí Minh ngay trong vài phút của cuộc gặp gỡ đầu tiên và cũng là cuối cùng.

Đây là trận đánh cân não giữa một bên là chủ quyền dân tộc và một bên là chủ quyền của vô sản quốc tế. Cụ Ngô Đình Diệm thừa biết Hồ Chí Minh là tay sai của Cộng sản Quốc tế không hề có ý thức về chủ quyền mà chỉ làm việc theo lệnh của Liên Xô và Trung Cộng nên cụ đã không sợ chết một khi cần bảo vệ và công khai hóa lý tưởng và con đường đấu tranh của mình.

Lý tưởng bênh vực chủ quyền của đất nước vẫn luôn là điểm quy chiếu trong lịch trình hoạt động của TT Ngô Đình Diệm trong các giai đoạn tranh đấu trước khi nắm được chính

quyền. Sử gia Edward Miller trong bài báo trích dẫn bên trên cho biết: “Vào tháng Hai năm 1948, Ngô Đình Diệm và các lãnh đạo khác thuộc phe quốc gia gặp tại Sài Gòn để thảo ra một khung đàm phán với Pháp về vấn đề độc lập của Việt Nam. Sau đó Ngô Đình Diệm quay trở lại Hồng Kông vào tháng Ba để cố gắng thuyết phục Bảo Đại ủng hộ kế hoạch này; ông cũng vận động các quan chức Pháp nhượng bộ thêm về phạm vi **chủ quyền của Việt Nam**...”

Ba năm sau, vấn đề chủ quyền đất nước cũng được chính khách Ngô Đình Diệm tỏ rõ một lần nữa. Theo tác giả Minh Võ, qua tờ *Écho du Vietnam* đăng lời tuyên bố của Ngô Đình Diệm ngày 16-6-1949 “*nhận định một cách chính xác rằng chỉ có dành được độc lập hoàn toàn và giữ đúng cương vị của một quốc gia có chủ quyền mới có thể thi đua với Việt Minh, và đánh thắng Việt Minh.*” (Minh Võ, *Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc*, Hồng Đức xb, 2008, trang 37).

Trong bản tuyên bố đó, cụ Diệm cho biết thêm: “*Nên biết rằng cuộc tranh đấu hiện tại không chỉ là một cuộc chiến đấu cho độc lập Tổ quốc về phương diện chính trị, mà còn là một cuộc cách mạng xã hội để khôi phục độc lập cho nông dân và thợ thuyền Việt Nam. Để tất cả mọi người ở Việt Nam có đủ phương tiện sống xứng đáng với phẩm cách con người, con người tự do thực sự, tôi chủ trương những cải cách xã hội hết sức tân tiến và mạnh bạo, miễn là phẩm cách con người luôn được tôn trọng và tự do nảy nở.*” (Lời tuyên bố của Chí-sĩ Ngô-đình-Diệm ngày 16 tháng 6 năm 1949”, trong *CĐCN*, 1:221-222, dẫn theo Edward Miller, *Sđd*, trang 54).

Ngày 16 tháng sáu năm 1954, ở Ba-Lê, khi nhận lập chính phủ, cụ tuyên bố “*một nền hòa bình lâu dài và trù phú, đặt trên một nền tảng độc lập của quốc gia và tự do của dân tộc, đưa ra một vấn đề có một tính cách đáng quan ngại. Chỉ có một cuộc chuyển hướng chính trị mới mẻ, mới có thể đưa đến mục đích đó.*” (Nguyễn Phương, *Ánh sáng dân chủ*, 1957, trang 121). Chỉ hơn một tuần sau, ngày 25 tháng sáu, khi đặt chân xuống Sài-gòn, cụ liền tuyên bố cụ về là để “*cứu vãn tình thế, thực hiện hòa bình với sự thống nhất lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, hoàn bị một nền hòa bình trong tự do, trong sự tôn trọng nhân phẩm và gia đình. Vì chỉ nền hòa bình ấy mới phù hợp với nguyện vọng đồng bào là an cư lạc nghiệp trong một xã hội công bình dân chủ.*” (Nguyễn Phương, *Sđd*, trang 122).

Trong bản Hiến pháp của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, công bố ngày 26-10-1956, ở Thiên Thứ Nhất, mục Điều Khoản Căn Bản, Điều 2 có ghi: “**Chủ quyền thuộc về toàn dân**”.

Muốn hiểu rõ xin đọc đoạn văn trích dẫn sau đây của sử gia Nguyễn Phương đã làm sáng tỏ tinh thần “tôn trọng chủ quyền của dân” của TT Ngô Đình Diệm như sau:

“*Như mọi người đều biết, Ông Ngô Đình Diệm đã đảm đương nhiệm vụ cứu nước trong những trường hợp độc nhất của lịch sử Việt Nam. Ở Bắc, Cộng-sản đang nắm chặt một nửa giang sơn, và như con hùm dữ, đang há miệng sặc nồng mùi máu đợi thời gian đem cả miền Nam dâng tiến cho. Và bấy giờ miền Nam lại là một con mồi như càng ngày càng hấp dẫn. Thực dân đang cố tiêu hủy những lực lượng quốc gia còn lại. Quân chủ phong kiến trước khi tàn tạ đang bộc lộ tất cả phần thối tha mục nát của mình ra. Thật là một mớ bong bong, nhìn vào đã đủ chóng mặt, không nói gì đến chuyện gỡ ra và xây dựng lại. Nhưng, lo ngại như một người ý thức rõ rệt tất cả sự quan trọng của tình hình, và đồng thời quả cảm như một kẻ đã nắm bí quyết của thành công trong tay, Ông Ngô Đình Diệm đã hiên ngang đương đầu với trở ngại một cách*

*manh dạn và sáng suốt. Ngày 16 tháng sáu, 1954, ở Ba Lê, khi nhận lập chính phủ, Ông nói: ‘Giờ phút này là giờ phút quyết định. Cố nhiên, tôi quan tâm đến một tình hình quân sự rất nghiêm trọng; nhưng ta có thể và rất cần gỡ lại tình thế ấy, bởi vì nó chỉ là hậu quả dĩ nhiên của một chuỗi dài những sự không hiểu biết và lầm lỗi. Nền hòa bình, một nền hòa bình lâu dài và trù phú, đặt trên một nền tảng độc lập của quốc gia và tự do của dân tộc, đưa ra một vấn đề có một tính cách khác đáng quan ngại. Chỉ có một cuộc chuyển hướng chính trị mới mẻ, mới có thể đi đến mục đích đó.’*

*Thế rồi, Ông không để dân Việt Nam phải đợi lâu mới cho biết hướng chính trị mới mẻ Ông vừa đề xướng đó. Chỉ hơn một tuần sau, ngày 25 tháng sáu, khi đặt chân xuống Sài gòn, Ông liền tuyên bố Ông về là để “cứu vãn tình thế, thực hiện hòa bình với sự thống nhất lãnh thổ và **chủ quyền quốc gia**, hoàn bị một nền hòa bình trong tự do, trong sự tôn trọng nhân phẩm và gia đình. Vì chỉ nền hòa bình ấy mới phù hợp với nguyện vọng đồng bào là an cư lạc nghiệp trong một xã hội công bình dân chủ.”*

*Khi lập nội các xong, ngày mùng 7 tháng 7, Ông còn cho quốc dân biết rõ hơn rằng : “Quốc dân mong mỗi công lý và an ninh. Quốc dân có thể tin cậy ở chính phủ tôi để tổ chức một nền hành chánh và tư pháp công minh và liêm chính. Quốc dân khát vọng những tự do và dân chủ. Chính phủ sẽ xây dựng một Quốc gia dân chủ có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với dân chúng.” (Nguyễn Phương, Sđd, trang 122).*

Còn có lời nào tha thiết hơn, chí tình hơn những lời nói của một vị nguyên thủ trong một chế độ dân chủ, tự do thấu hiểu khát vọng ngàn đời của người dân?

.” Điều 8 (cũng trong Thiên Thứ Nhất) của Hiến Pháp có ghi: “Nước Việt-Nam Cộng-Hòa chấp thuận những nguyên tắc quốc tế pháp không trái với sự thực hiện **chủ quyền Quốc-Gia** và sự bình đẳng giữa các dân tộc.”

Đây là một trong những nguyên tắc hành xử bất biến của TT Ngô Đình Diệm kể từ khi dấn thân vào con đường tranh đấu với các thế lực thù nghịch với chính nghĩa quốc gia, thí dụ thực dân Pháp, cộng sản và ngay cả sau này đối với ngoại bang khác như Hoa Kỳ. Cụ Diệm không chỉ thể hiện nỗ lực bảo vệ chủ quyền đất nước qua tư tưởng, suy nghĩ, nhận thức hay quan điểm mà còn bằng các hành động cụ thể của mình. Người Mỹ khi đổ tiền bạc vào giúp cụ Diệm, họ nghĩ rằng họ có quyền đưa ra những quyết định trong chính sách của Miền Nam nhưng với cụ Diệm việc đó không thể được vì chạm vào một nguyên tắc tối kỵ, và vì thế Hoa Kỳ bắt đầu nói xấu cụ bằng dư luận, bằng báo chí sau hết là bằng hành động. Họ sử dụng Phật giáo làm công cụ đánh phá chế độ qua những cuộc tự thiêu được dàn dựng trước để vu cho chế độ của TT Ngô Đình Diệm đàn áp Phật Giáo. Người Mỹ dùng báo chí làm công cụ đối trắng thay đen chẳng hạn từ tình hình chống Cộng rất khả quan tháng 10-1963 trở thành trạng huống nguy ngập về một cuộc chiến tranh không thể thắng được nếu còn chế độ của Cụ Diệm. Một vị Bộ Trưởng của Cụ Diệm kể lại chuyện cụ với một nhà báo Mỹ: “*Hình như cả thế giới nổi dậy chống chúng tôi. Không phải chỉ báo chí Mỹ, mà ngay đến cả Tiếng Nói Hoa Kỳ là cơ quan chính thức của chính phủ Mỹ cũng không ngớt nhả ra toàn là những lời tố cáo chúng tôi như là những kẻ dỏ, làm gì cũng là làm bậy hết. Tưởng như đài BBC trong Đệ Nhị Thế Chiến bỗng nhiên nổi dậy tố cáo Mỹ và hô hào lật đổ Roosevelt...*” Tất cả chỉ vì vấn đề chủ quyền, nghĩa là cố vấn Mỹ phải ở khắp

nơi, quân đội Mỹ phải vào Việt Nam, Cam Ranh phải được nhường, Cao nguyên phải được nhường. Nói cách khác, Việt Nam không còn chủ quyền nữa.

Trong cuộc đảo chính long trời lở đất dồn vào Dinh Gia Long ngày 1-11-1963, đã xảy ra cuộc đối thoại sau đây giữa TT Ngô Đình Diệm và Đại sứ Hoa Kỳ Cabot Lodge. Sau đây là báo cáo của Lodge gửi về Hoa Thịnh Đốn:

*Ông Diệm: Vài đơn vị đã nổi loạn và tôi muốn biết thái độ của Hoa Kỳ.*

*Ông Lodge: Tôi cảm thấy không biết khá đủ để có thể nói cho ông hay. Tôi nghe tiếng súng nổ, nhưng không biết tất cả các dữ kiện. Bây giờ là 4 giờ 40 sáng tại Hoa Thịnh Đốn và chính phủ Mỹ không thể có một nhận định được.*

*Ông Diệm: Nhưng ông phải có một vài ý niệm tổng quát. Sau hết, tôi là quốc trưởng. Tôi đã cố gắng làm bốn phận của tôi. Bây giờ tôi muốn làm cái gì mà bốn phận và thiện ý đòi hỏi. Tôi tin tưởng vào bốn phận trên hết.*

*Ông Lodge: Chắc là ông đã làm bốn phận của ông. Như tôi đã nói với ông sáng nay, tôi thán phục lòng can đảm và sự đóng góp lớn lao của ông cho xứ sở. Không ai có thể lấy đi được danh tiếng về những gì ông đã làm. Bây giờ tôi lo âu về sự an ninh của ông. Tôi được báo cáo rằng những kẻ phụ trách vụ bạo động đang tiến hành đồng ý để hai anh em ông ra khỏi nước an toàn nếu ông từ chức. Ông đã nghe điều này chưa?*

*Ông Diệm: Không (rồi sau khi ngưng một chốc). Ông có số điện thoại của tôi?*

*Ông Lodge: Vâng. Vậy nếu tôi có thể làm gì được cho sự an toàn của ông, ông cứ điện thoại cho tôi.*

*Ông Diệm: Tôi đang cố gắng tái lập trật tự.*

*(The Pentagon Papers, Key Documents, văn kiện số 59, trang 232, dẫn theo bản dịch Việt ngữ của Hoàng Ngọc Thành & Thân Thị Nhân Đức, Những ngày cuối cùng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Quang Vinh & Kim Loan & Quang Hiếu xuất bản, in lần ba 1999, trang 432).*

Lúc bấy giờ cũng như trước đây, chủ quyền đất nước là điều tối thượng đối với cụ Ngô Đình Diệm chứ không phải là sinh mạng của chính Cụ và Cụ tìm cách tái lập trật tự tức là tái lập chủ quyền đất nước đang bị ngoại nhân dùng bọn ngoại nô để phá hoại, chiếm đoạt.

Ngày 7 tháng 4 năm 1985, mười năm sau cái chết của Việt Nam Cộng Hòa, đài truyền thanh KFWB/98 thông báo nhiều lần kết quả thăm dò dư luận của hãng Gallup cho biết 63% dân chúng Mỹ đã công nhận rằng việc Mỹ can thiệp vào chiến tranh Việt Nam là một lầm lẫn. Dưới ngòi bút Trúc Long, sử gia Nguyễn Phương nhận định rằng: “*Mỹ đã lầm lẫn ngay từ nguyên nhân. Khi can thiệp vào Nam Việt Nam, họ đã tuyên bố là giúp Nam Việt Nam để đánh Cộng sản. Nhưng họ đã giúp Nam Việt Nam thật hay không? Tổng thống Nam Việt Nam lúc bấy giờ là Cụ Ngô Đình Diệm đã dựa vào những lời tuyên bố như thế để xử sự. Cụ Diệm nghĩ rằng Mỹ giúp, tất nhiên Mỹ phải đóng vai phụ vì phụ là giúp, và Nam Việt Nam đóng vai chính, cả về chính trị, cả về quân sự. Với quan niệm đường đường chính chính như thế, Cụ đã không nhường một tấc đất cho Mỹ để làm căn cứ, cũng không để cho Mỹ nắm một quyền chủ động nào trong vùng đất nhỏ bé mà Cụ có bốn phận nắm giữ chủ quyền. Đang khi Cụ Diệm đĩnh ninh xử sự như vậy mới là làm xong phận sự thì Mỹ lại không cho rằng phận sự đó là đúng. Thế là Cụ Diệm bị tố là quan liêu lỗi thời, là cục bộ, là lạc hậu... Ở Hoa Thịnh Đốn, một Tổng Thống John được*

hoan nghinh vì dùng bào đệ Robert làm cố vấn nhưng ở Sài Gòn bào đệ Nhu bị coi như một ác quỷ nhất thiết phải trục xuất ra khỏi chính quyền chỉ vì lý do là làm cố vấn cho đại huynh Diệm. Và điều kiện dứt khoát của Hoa Thịnh Đốn là Cố vấn Nhu phải ra đi, nếu không Mỹ sẽ cắt đứt hết mọi viện trợ vừa kinh tế vừa quân sự cho Nam Việt Nam. Cuối cùng, chỉ vì không thể chịu được cái ức của kỳ thị mà Cụ Diệm đã bị đảo chánh và bị giết. Không may, Cụ Diệm chết thì **chủ quyền của Nam Việt Nam cũng hết sống**. Kể từ ngày 1-11-1963, cho đến ngày 30-4-1975, Nam Việt Nam chỉ còn là một cái xác không hồn...” (Tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, số 224, bài Một lần nữa được thú nhận).

Mục đích Hoa Kỳ lật đổ chế độ hợp pháp của TT Ngô Đình Diệm là đổ quân vào Nam Việt Nam, dành toàn bộ công cuộc chống Cộng vào tay quân đội Mỹ, dưới tác động của nhóm siêu quyền lực để tiêu thụ số vũ khí còn lại trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Theo cụ Diệm như vậy là Miền Nam sẽ mất chính nghĩa và Cộng Sản Bắc Việt sẽ khai thác nhược điểm này để tuyên truyền trước mặt quốc tế. Với TT Ngô Đình Diệm, khi cần, VNCH sẽ thông qua quốc hội ký một thỏa ước kêu gọi Hoa Kỳ tham dự vào cuộc chiến ở VN và quân đội Hoa Kỳ sẽ chỉ đóng ở vùng biên giới thuộc vĩ tuyến 17.

Quả thật, sau cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chủ quyền đất nước đã không còn và Hoa Kỳ đã không hiểu rằng vì vấn đề chủ quyền của đất nước mà Việt Nam đã phải chống Tàu hơn một nghìn năm, chống thực dân Pháp trong một trăm năm, và đang long đong lận đận chống lại bọn Cộng Sản Việt Nam đang làm đầy tớ cho Trung Cộng, để giành lại chủ quyền của người dân.

Sau Tổng Thống Ngô Đình Diệm, những người do Hoa Kỳ đưa lên lãnh đạo VNCH không có đạo đức và khả năng cho nên việc mất nước vào tay Cộng Sản chỉ còn là vấn đề thời gian. Sau đây là nhận xét của Giáo sư Hoàng Ngọc Thành dựa trên sự phân tích của cơ quan tình báo Hoa Kỳ:

“*Nhưng phân tích và tìm hiểu đến tận cùng, như cơ quan CIA đã làm về các tướng lãnh và nhân vật tại Nam Việt Nam, các ông Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Dương Văn Minh, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Khánh, Nguyễn Ngọc Lễ và một số khác nữa chỉ là về căn bản những người đánh thuê cho thực dân Pháp rồi vì thức thời nên đã theo ủng hộ ông Diệm. Họ đã được đổi đời nhưng tận đáy lòng họ, căn bản vẫn thế. Điều này không có nghĩa là họ không muốn trở thành người tốt, người “yêu nước” đúng nghĩa của danh từ. Nay ông Diệm gặp khó khăn vừa trong nội bộ và nhất là đối với đồng minh khổng lồ Hoa Kỳ, họ cũng lăm le muốn làm “cách mạng”, làm người yêu nước yêu nòi như ai. Nhưng như sự diễn tiến tình hình cho thấy, họ đâu có tâm vóc, đức tính và khả năng để làm đúng theo tham vọng của họ được. Nên họ cũng trở lại làm tay sai. Một số sách và báo chí ngoại quốc có chỉ trích tổng thống Diệm về sự thiếu cương quyết và cứng rắn trong cách đối xử với một số tướng tá. Điều nhận xét này có thể xem là đúng.*” (Hoàng Ngọc Thành & Thân Thị Nhân Đức, Sách đã dẫn, trang 392).

Có ba nhân vật phải được thêm vào đây để mọi người nhớ đến, kể về quá trình có mặt trong lực lượng quân sự Pháp và chịu sự chỉ đạo của Tòa Đại sứ Mỹ cùng với các nhân vật nói trên đó là Nguyễn Văn Thiệu, Tôn Thất Đính và Đỗ Mậu là ba nhân vật chủ chốt trong vụ đảo chính 1-11-1963.

Trong thực tế, TT Ngô Đình Diệm không kỳ vọng gì vào các lớp sĩ quan trong Quân lực VNCH ở chung quanh đã một thời phục vụ cho Pháp, mà Cụ chỉ nhắm và hy vọng nhiều vào thế hệ thanh niên trẻ đang được đào luyện ở Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, Trường Võ Khoa Thủ Đức. Rủi cho Cụ và cũng là cho đất nước khi các thế hệ trẻ này chưa có cơ hội cảm nắm giềng mối trong Quân đội, thì đã nổ ra vụ đảo chính 1-11-63, đưa đất nước ngày càng chìm xuống vực thẳm.

Dưới ngòi bút cẩn trọng, nhà biên khảo Minh Võ, khi trích dẫn đoạn văn sau đây của Giáo sư Hoàng Ngọc Thành, cho rằng “*ông Thành đã so sánh một cách hết sức tế nhị và kín đáo người yêu nước Ngô Đình Diệm với những người lãnh đạo quốc gia sau ông như sau : ‘Lằn ranh giới giữa người yêu nước thực sự và tên tay sai là người yêu nước tìm đủ mọi cách để bảo vệ chủ quyền của xứ sở, đến tận cùng, dù phải hy sinh tính mạng, phú quý của cá nhân và dòng họ, còn tên tay sai dù có phản đối nhưng rút cục cũng buông xuôi theo thực dân để khỏi tổn thương đến tính mạng, phú quý của cá nhân và gia đình. Dù lỗi làm gì đi nữa, người yêu nước thực sự NGÔ ĐÌNH DIỆM CÓ THÁI ĐỘ QUYẾT LIỆT TRONG SỰ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM.. Thái độ này làm chính quyền Mỹ John F. Kennedy mưu đồ đảo chính và sát hại ông. Và biến miền Nam thành một “xứ bảo hộ” của Hoa Kỳ.’ ”* (Minh Võ, Sdd, trang 257).

Trong cuốn sách *Ngô Đình Diệm, Lời khen tiếng chê*, nhà biên khảo Minh Võ đã cho biết sự liên hệ rất mật thiết bộ ba Rufus Philip - Lê Văn Kim - Bùi Diễm (nhân viên CIA), mà Kim là người phụ trách vấn đề chính trị của cuộc đảo chính 1-11-1963 tất nhiên Bùi Diễm cũng là một trong những người quyết định số mạng của TT Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu (trang 54). Và đó cũng là những người đã góp công sức biến Nam Việt Nam trở thành “xứ bảo hộ” của Mỹ sau ngày TT Ngô Đình Diệm bị thảm sát cũng là ngày chủ quyền VN lâm vòng cáo chung.

Trong cuốn sách viết bằng Anh ngữ có tên *A Parade of American Puppets, A story of South Vietnam from 1954 to 1975, (Cuộc diễn hành của những tên bù nhìn Mỹ, Câu chuyện Miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975)*, sách dày 399 trang khổ 8/11, in ronéo năm 1978, gồm có một bài tựa, một bài dẫn nhập, mười bốn chương, và lời bạt. Trong phần Dẫn nhập ở trang XVIII, sử gia linh mục Nguyễn Phương có viết : “...*But the man who resented most the partition of Vietnam was Ngo Dinh Diem who viewed the fate of his fatherland more important than his own*” (...*Nhưng người oán hận nhất về sự phân chia đất nước là cụ Ngô Đình Diệm vốn đã coi số phận của tổ quốc còn quan trọng hơn sinh mệnh của mình*).

Ở trang 101, sử gia Nguyễn Phương viết tiếp: “*Ngo Dinh Diem, on the other hand, was a mandarin proud of his career. He loved his country above anything else and tried his best to make it independent and unified. In his pursuit of national liberation, he was not alone, but his team did not count many. He had with him a handful of friends and especially his brother Ngo Dinh Nhu. He wielded, however, a great political power just because of his immense popularity. Man of integrity and righteousness, of heroic patriotism and thorough dedication, he was de eply loved and widely respected by his fellow countrymen.*” (*Ngô Đình Diệm, trái lại, là một vị quan tự hào về nghiệp vụ của mình. Ông yêu mến quê hương hơn bất cứ một cái gì khác và nỗ lực hết sức mình để làm cho đất nước được độc lập và thống nhất. Trong khi theo đuổi công cuộc giải*

phóng quốc gia, ông không cô đơn nhưng nhóm của ông cũng không mấy đông đảo. Ông có một ít bạn hữu và đặc biệt có em của ông, ông Ngô Đình Nhu. Tuy nhiên, ông vẫn tạo ra được quyền hành chính trị lớn bởi lẽ ông có uy tín trong quảng đại quần chúng. Là con người liêm khiết chính trực và với tấm lòng yêu nước nồng nàn, hoàn toàn tận hiến, ông được đồng bào yêu mến và kính trọng). (Nguyễn Phương, *A parade of American Puppets*, trang 249.)

Viết về người Mỹ tại Việt Nam, linh mục Nguyễn Phương có lúc bộc lộ tinh thần phần nộ và niềm uất ức của ngòi bút sử học như sau: “*The work of the US in South Vietnam was, in summary, a work of destruction, systematic and thorough. There was the destruction of patriotism and nationalism in the case of Diem’s overthrow and assassination. There was the destruction of Vietnamese sovereignty by the establishment of a regime of American puppets by way of aid and advice. There was the destruction of the Vietnamese society by testing the ‘search and destroy’ strategy which was the cornerstone of the Kennedy’s counterinsurgency tactics, and which, as Barry Weisberg remarked, ‘has given way to the incentive to simply destroy.’ Finally, there was the destruction of all human rights by engineering a total surrender of South Vietnam to the Communists.*” “*I am uniting Vietnam*”, had boasted Kissinger since 1972.” (Thành tích của Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam, tóm lại, là thành tích phá hủy có hệ thống và toàn diện. Đó là sự phá hủy lòng ái quốc và tinh thần quốc gia qua việc lật đổ và ám sát cụ Diệm. Đó là **sự phá hủy chủ quyền của Việt Nam** bằng cách dựng lên một chế độ gồm toàn những tay bù nhìn Mỹ qua viện trợ và cố vấn. Đó là sự phá hủy xã hội Việt Nam bằng cách thí nghiệm chiến lược “lùng và diệt” vốn là viên đá góc trong chiến thuật phản nổi dậy của chính quyền Kennedy, và điều đó, như Barry Weisberg lưu ý, đã nhường bước cho sự kích hứng nhằm chỉ để diệt gọn mà thôi. Cuối cùng, đó là sự phá hủy mọi quyền con người bằng cách bố trí một cuộc đầu hàng của toàn bộ Nam Việt Nam vào tay Cộng Sản. Từ năm 1972, chính Kissinger từng khoác lác khoe: “Tôi đang thống nhất Việt Nam.” ( Nguyễn Phương, *A parade of American puppets*, trang 350)

Sau đây chúng ta đọc một đoạn tiếp về Cựu Trung Tướng cũng là Cựu TT của VNCH Nguyễn Văn Thiệu, dưới ngòi bút của sử gia Nguyễn Phương để thấy sự tương phản trong tư cách của TT Ngô Đình Diệm, vị sáng lập nền Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam và Tướng N.V. Thiệu (của nền Đệ II Cộng Hòa) : “*Thieu was malleable by nature. Extremely ambitious and perfidious, he was no devotee of any ideological or nationalistic cause... He was corrupt, but this did not bother the United States when corruption became a means to widen the American freedom of action in another country.*” (Bản chất Thiệu vốn dễ bảo. Rất đỗi tham vọng và hay lừa đảo, ông ta không phải là người có thể tận hiến bản thân cho một ý thức hệ hay chính nghĩa quốc gia... Ông ta tham nhũng nhưng điều đó không làm bận tâm người Mỹ khi vấn đề tham nhũng đã trở thành một phương thế giúp cho họ được tha hồ tự do hành động ở một quốc gia khác.)

Tướng Thiệu không phải là nhà chính trị vì ông không được học tập, rèn luyện có bài bản trong môi trường chính trị như TT Ngô Đình Diệm và các bào đệ của Cụ. Theo sự tiết lộ của Bác sĩ Hồ Văn Châm với báo chí vào năm 1973 (?) khi ông làm Tổng Trưởng Bộ Chiêu Hồi, là vào năm 1946, ông Nguyễn Văn Thiệu đã tham gia Mặt Trận Việt Minh với chức vụ Huyện Ủy Viên huyện Tri Thủy, Phan Rang. Vì sự tiết lộ này mà ông Châm bị thất sủng một thời gian. Mới đây

ông Nguyễn Quang Duy ở Úc Đại Lợi có nhắc lại chuyện “ông Thiệu là huyện ủy” trên một số trang mạng trong đó có Web BBC tiếng Việt nhưng không nói rõ xuất xứ, và lại câu chuyện cũng không phải mới mẻ gì với những người hiểu biết. Trong thời gian ở tù Cộng Sản tại trại Nam Hà (1976-1988, tỉnh Hà Nam Ninh, Bắc Việt), tôi có đọc một cuốn sách nhan đề ***Books Changed The World*** (lâu ngày nên quên tên tác giả) trong đó có một bài viết liên quan đến Đô đốc Hải quân Hoa Kỳ Charles Turner Joy vốn là Trưởng phái đoàn đàm phán của Liên Hiệp Quốc tại Hội Nghị Bàn Môn Điếm (trong chiến tranh Cao Ly). Đô đốc này về sau có viết một cuốn hồi ký ghi lại kinh nghiệm của ông đối với người Cộng sản, có lẽ trong đó có câu được trích dẫn như sau : “*Do not believe in Communist words but look at Communist deeds*”. Lúc bấy giờ khoảng 1985 khi đọc thấy câu nói này, tôi chợt liên tưởng đến câu khẩu hiệu mà Bộ Thông Tin Dân Vận Chiêu Hồi của ông Hoàng Đức Nhã ngày nào cũng phát trên hệ thống truyền thanh và truyền hình ở Nam Việt Nam: “*Đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm*”. Tôi tự hỏi không lẽ Bộ của ông Hoàng Đức Nhã lại “cầm nhầm” câu nói đó của Đô Đốc C. Turner Joy để biến ra làm câu danh ngôn cho ông Tướng Thiệu? Hồ Chí Minh từng ăn cắp câu nói của Quản Trọng, nhà chính trị có tài nhất thời Xuân Thu (722-479) : *Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân* . 一年之計 莫如樹穀 , 十年之計 莫如樹木 , 百年之計 莫如樹人 nghĩa là: Vì kế hoạch một năm thì trồng lúa, vì kế hoạch mười năm thì trồng cây, vì kế hoạch trăm năm thì trồng người. Hồ Chí Minh đã lấy nhiều câu nói của kẻ khác làm của mình, và việc này đã được nhiều học giả phanh phui. Không lẽ người quốc gia cũng bắt chước việc làm của người CS sao?

Tôi viết lại chuyện này trong tinh thần học hỏi và muốn làm sáng tỏ một câu nói lịch sử nên cũng rất mong đón nhận được kiến giải của giới trách nhiệm ngành truyền thông của VNCH trước năm 1975.

Một vị tướng khác, Nguyễn Cao Kỳ cũng nhảy vào chính trường Việt Nam với hai bàn tay trắng đến đời Tổng Thống Pháp de Gaulle phải hỏi “Qui est Ky?” thì thật là xấu hổ cho nhân dân Miền Nam như thế nào!

Trong cuốn hồi ký chính trị *Gọng Kim Lịch Sử*, (trang 222) Bùi Diễm từng cọng tác với Phan Huy Quát và thuộc nhóm “Đại Việt Quan Lại” ở Bắc Việt giai đoạn 1945-1954, bào chữa cho Cựu Thủ tướng Phan Huy Quát cho biết khi Hoa Kỳ đổ bộ quân vào Đà Nẵng ngày 8 tháng 3 năm 1965, Phan Huy Quát có thái độ không bằng lòng nên chỉ được sứ thần Manfull thông báo chứ không hề được Hoa Kỳ bàn thảo trước và như vậy có nghĩa rằng chủ quyền Nam Việt Nam đã chết, sau cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, như nhận định ở trên của sử gia Nguyễn Phương, hay là vĩnh viễn thống thuộc vào chủ quyền của Hoa Kỳ qua thực tế chứng minh. Với việc đổ quân lên bãi biển Đà Nẵng. Hoa Kỳ đặt chính phủ của Phan huy Quát trước sự đã rồi mặc dù trong hồi ký của Bùi Diễm tác giả này cho biết ông Quát phần nào chung hứng và bối rối vì sự việc xảy ra quá đột ngột làm cho ông Quát có giọng nói hơi gắt gỏng, thiếu bình tĩnh (trang 223).

Trong cuốn hồi ký *Bên Giòng Lịch Sử, hồi ký 1940-1965* của LM Cao Văn Luận (1908-1986) có đoạn kể cuối năm 1947, Cha Luận vào Huế gặp Ngô Đình Cẩn, Trần Điền (khuyinh hướng Đại Việt), được Trần Văn Lý đề nghị làm Giám đốc Nha Văn hóa Miền Trung, rồi từ Huế

đi ra Đồng Hới (ngụ tại Giáo xứ Tam Tòa) rồi từ đây đi ca-nô ra Quảng Khê lên Ba Đồn và về xứ Đan Sa trông coi giáo xứ này. Lúc bấy giờ một số giáo xứ đã liên lạc với người Pháp xin súng để rào làng chống Việt Minh. Từ tháng tư 1948 nghe nói Bảo Đại về nước. Linh mục Cao Văn Luận từ Quảng Khê vào Đồng Hới và mua vé máy bay vào Huế. Bữa Lộc đánh điện mời Linh mục Cao Văn Luận lên Đà Lạt ý chừng nhờ ngài thuyết phục ông Ngô Đình Diệm lúc đó đang ở Đà Lạt ra thành lập một chính phủ nhưng khi gặp, ông Diệm lắc đầu.

Trong lần gặp đầu tiên, ông Ngô Đình Diệm đã tỏ ra có những nhận định chính trị rất chính xác và sắc bén:

*-Vùng Cao nguyên này có một tầm quan trọng lớn về chiến lược và kinh tế. Về chiến lược, nó nằm ở giữa ba quốc gia Việt Miên Lào. Ai chiếm giữ được cao nguyên này có thể gây áp lực được đối với cả ba quốc gia đó. Người Pháp gọi vùng Cao nguyên là Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là một lối trá hình trên thực tế, chủ tâm của họ là biến vùng này thành thuộc địa Pháp. Về mặt kinh tế, thì vùng Cao nguyên hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong tương lai. Ở đó chắc chắn có nhiều tài nguyên thiên nhiên, nhiều khoáng sản chưa được khám phá và khai thác, nhưng chúng ta cần phải bảo vệ cho Việt Nam. Rồi còn vấn đề thể diện quốc gia, chủ quyền nữa. Không thể bỗng dưng nhường cho Pháp một vùng đất quan trọng như thế, nằm ngay giữa lãnh thổ quốc gia, người Việt Nam nào muốn lên lại phải xin thông hành!*

Linh mục Cao Văn Luận tiếp lời:

*-Cụ nói đúng. Tôi có đọc một cuốn sách đại ý rằng Pháp muốn ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam về phía Tây, muốn để dân tộc Việt Nam dừng lại ở các miền duyên hải, còn Pháp thì phải giữ vững vùng Cao Nguyên Trường Sơn, vừa để ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam, vừa canh phòng phía Lào. Như vậy khi lập Hoàng Triều Cương Thổ, đặt trực thuộc Pháp, thì Pháp đã bắt đầu thi hành đúng cái chính sách đó rồi.*

Trong cuộc chiến tranh 55 ngày giữa Nam Việt Nam và CS Bắc Việt, Hà Nội đã chiếm được Ban Mê Thuột ngày 10-3-1975 và sau đó không lâu đã làm chủ Cao Nguyên. Nhiều tư liệu cho biết Tướng Thiệu làm mình làm mẩy với Hoa Kỳ khi bỏ Cao nguyên và với chiến thuật “đầu to đít teo” mặc cả với người Mỹ về số tiền viện trợ. Ông Thiệu đã hoàn toàn chối bỏ cương vị là Tổng Thống VNCH, phủ nhận chủ quyền của dân tộc để biến thành tên ngoại nô, hay tay sai của một cường quốc, bày đặt mặc cả này nọ với Hoa Kỳ vốn là “boss” của Thiệu từ khuya. “*Khảng khái tông vương dị, thung dung tự nghĩa nan 肯慨從王易, 慵容就義難*” (Theo vua đi kháng chiến thì dễ, Thông thả bước lên đoạn đầu đài thì thật là khó). Câu nói này trong sách *Trung Dung* của Khổng Tử vẫn là lời nhắc nhở và cũng là lời thẩm định giá trị của nhiều người trong lãnh vực chính trị.

Nhưng làm sao có thể buộc những người như Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Nguyễn Khánh, Đỗ Mậu v. v... và v... v. không biết chính trị là gì, nhưng lại muốn làm chính trị để được ăn trên ngồi trốc – làm sao khiến họ tỏ bày được khí phách can trường, coi thường cái chết như TT Ngô Đình Diệm không chỉ một lần mà nhiều lần, thí dụ cuộc đối đầu với Hồ Chí Minh năm 1946, vụ Hà Minh Trí ám sát cụ Diệm ở hội chợ Ban Mê Thuột 1957, cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi ngày 11-11-1960, cuộc dội bom của Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc năm 1962, và nhất là tinh thần quốc gia

coi thường cái chết của mình, bảo vệ cuộc sống của dân lành, quân đội mà nhất quyết không phạm xương máu của người lính dưới quyền? Bọn cầm đầu đảo chính theo lệnh Mỹ đã khinh rẻ xương máu của những chiến hữu của họ như Đại Tá Hồ Tấn Quyền, Đại Tá Lê Quang Tung, Thiếu Tá Lê Quang Triệu, thì họ ngại gì mà không giết TT Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Ngay cả những người như Ngô Đình Cẩn, Phan Quang Đông vốn là những người đã tiêu diệt hầu hết cơ sở hạ tầng của CS đến nỗi Nguyễn Văn Linh đã phải thú nhận rằng từ 50,000 cán bộ CS chỉ còn khoảng 6,000 năm 1963. Công lao như vậy của Ông Ngô Đình Cẩn chỉ để bị Nguyễn Khánh theo lệnh của Thích Trí Quang là phải trả bằng cái chết mà thôi. Tài năng và khí phách như Phan Quang Đông từng làm cho hệ thống tình báo Bắc Việt phải nhiều phen xiết liếng suốt từ 1954-1963 để rồi bị tử hình ở sân vận động Huế sau cuộc đảo chính bi ổi do Hoa Kỳ giật dây ngày 1-11-1963. Là một người chứng kiến được những việc làm vương đạo và cũng đầy bá đạo của Hoa Kỳ khắp nơi trên thế giới, nhất là ở Trung Đông, do bị ám ảnh bởi cái chết của TT Ngô Đình Diệm, Tổng thống Pakistan Ayub Khan đã nói thẳng với TT Nixon năm 1964 câu nói chí lý sau đây: “*that it is dangerous to be a friend of the United States; that it pays to be neutral; and that sometimes it helps to be an enemy.*” nghĩa là: “*thật là nguy hiểm khi làm bạn với Hoa Kỳ; đứng trung lập thì phải trả giá; và đôi khi làm kẻ thù mà hay hơn*”. (Richard Nixon, *In the arena, A memoir of victory, defeat and renewal*, Simon and Schuster, New York, 1990, trang 71).

Cuối cùng, cái chết của TT Ngô Đình Diệm và bào đệ Ngô Đình Nhu chính là cái chết có tính toán như lời ghi nhận của sử gia Nguyễn Phương. Trong cuốn *A parade of American puppets*, vị giáo sư sử học nhận định rằng: “*He refused to ask asylum in a foreign country. He did not want to confide his fate into the hands of another, whosoever he could be. Lodge had tried hard to bring him to safety. The American ambassador had even asked the Apostolic Delegation to intervene for Diem to change his mind. But in vain. Diem kept his own counsel, until death and in spite of death, because by this gesture he meant to keep alive the sovereignty of his nation. That’s why he was assassinated in South Vietnam on November 2, 1963.*” (Ông ta từ chối xin một chỗ tị nạn ở một nước ngoài. Ông không muốn giao phó số mệnh của mình vào tay người khác dù bất cứ là ai. Lodge đã cố thử để đem ông tới chỗ an toàn, kể cả việc viên đại sứ Mỹ này đã xin Tòa Khâm Mạng Tòa Thánh can thiệp để ông Diệm thay đổi ý kiến nhưng vô hiệu. Ông Diệm vẫn giữ ý định của mình cho đến chết và bất chấp cái chết, bởi vì với phong thái đó ông muốn giữ cho chủ quyền quốc gia của ông được sống. Đó chính là lý do vì sao ông bị ám sát chết ở Nam Việt Nam vào ngày 2 tháng 11, 1963.”<sup>46</sup> (Nguyễn Phương, *A parade of American puppets*, trang 149).

Sau đoạn văn nêu trên, chúng ta có dịp đọc vào chú thích số 46 dẫn lời chú của sử gia Marguerite Higgins tác giả cuốn *Our Vietnam Nightmare* ( New York, Harper and Row, 1965) về một quan điểm có liên hệ đến vấn đề chủ quyền và cái chết của TT Ngô Đình Diệm: “*Marguerite Higgins quoted a Vietnamese philosophy professor as saying about the reason why President Ngo Dinh Diem opted to be killed. “If Diem had sought help of a foreign power, he would have undermined everything he stood for. It would have destroyed the faith of the people in his integrity and character. It would have been craven and cowardly for Diem to seek help*

*from the Americans; more so, because they had betrayed him. He kept faith with his principles concerning Vietnam's national sovereignty. He surrendered to the Vietnamese generals, not foreigners. History will applaud this. It may be that the Americans would have treated Diem more gently than the generals. But as a Vietnamese, it would have been wrong for Diem to put his trust publicly in outsiders. As a Vietnamese, he surrendered to Vietnamese. The generals killed him and the onus is on them.” (Marguerite Higgins trích dẫn lời của một giáo sư triết học khi nói về lý do tại sao Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã chọn việc sẽ bị giết. “Nếu ông Diệm tìm sự giúp đỡ của một cường quốc bên ngoài thì như thế ông đã đập đổ hết mọi cái mà ông từng tranh đấu. Điều đó cũng phá hủy niềm tin mà người dân đặt vào sự chính trực và cá tính của ông. Điều đó cũng nói lên sự hèn nhát của ông Diệm khi ông tìm sự giúp đỡ nơi người Mỹ, hơn nữa vì họ đã phản bội ông. Ông giữ vững sự tin tưởng vào những nguyên tắc của ông liên quan đến chủ quyền dân tộc Việt Nam. Ông đã đầu hàng các tướng lãnh Việt Nam chứ không đầu hàng người ngoại quốc. Lịch sử sẽ ca tụng điều đó. Cũng có thể rằng người Mỹ sẽ đối xử với ông nhã nhặn hơn các tướng lãnh. Nhưng là một người Việt Nam, ông Diệm cho rằng sẽ là một sai lầm khi đặt hết niềm tin vào người ngoại quốc một cách công khai. Là người Việt Nam, ông đầu hàng người Việt Nam. Các tướng lãnh đã giết ông và trách nhiệm lớn cho điều sai lầm trầm trọng này sẽ đổ xuống trên đầu họ.” (Nguyễn Phương, *A parade of American puppets*, trang 372).*

Đây là lời giải đáp cho thắc mắc của cá nhân kẻ viết bài này vốn canh cánh từ lâu, và có lẽ cũng cho nhiều người khi có những bậc vĩ nhân, như TT Ngô Đình Diệm đã xem cái chết nhẹ tựa lông hồng vì trong con mắt họ lý tưởng ôm ấp mới là điều cao cả nhất, và bài học chủ quyền của đất nước cần phải là bài học suy tư, nghiên ngẫm đối với tất cả mọi người, nhất là những người nắm nhiệm vụ trọng yếu là lãnh đạo đất nước.

## LỜI KẾT

Xét cho cùng, bài học chủ quyền không chỉ có tác động trong lãnh vực chính trị mà còn là tác nhân trong phạm trù luân lý nữa thí dụ tương quan giữa vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bằng hữu rộng ra là người trong một nước tức là tương quan giữa *nhà* với *nước*, hay gia với quốc. Bài học chủ quyền không chỉ có trên sách vở mà còn biểu lộ qua cách sống; nó không chỉ là một hữu thể nhưng phải thể hiện một tương quan. Có nhiều sắc thái trong tương quan của người này với kẻ khác, thí dụ như Henry Kissinger, Cố Vấn An Ninh của TT Nixon thể hiện mối tương quan hận thù, trù dập giữa y với nhân dân Miền Nam Việt Nam, năm 1975 sau ngày di tản Đà Nẵng, đã thốt lên: **“Sao chúng không chết phứt cho rồi” (Why don't these people die fast?)** (Nguyễn Tiến Hưng, *Khi Đồng Minh tháo chạy*, Cơ sở xuất bản Hứa Chấn Minh, 2005, trang 20). TT Ngô Đình Diệm đã thể hiện mối tương quan lo lắng, thương yêu giữa Cụ đối với đất nước trong thời khắc cuối đời Cụ, năm 1963, trong đó có hàng chục triệu sinh linh, đồng bào, đồng chí, chiến sĩ quốc gia, hàng chục vạn quân cán chính, những người mà Cụ đặt hạnh phúc của họ trong nôi com của chính họ qua câu hỏi thể hiện mối tương quan nào lòng của Cụ được Đại Úy Đỗ Thọ, tùy viên của Tổng Thống ghi lại trong nhật ký của mình như sau: Khi rời bỏ Dinh Độc Lập, cũng lối 5 giờ chiều ngày 1-11-1963, “*từ Dinh đi ra xe để đến nhà Mã Tuyên,*

cùng với Cụ Ngô Đình Diệm đi trước, có Cố vấn Nhu và ông Cao Xuân Vy. Theo ông Vy, Cụ vẫn không tỏ dấu lo lắng gì. Đọc hành lang, Cụ bỗng xé bầu im lặng, tự nhiên thốt ra: “**Phận tui sao cũng được, nhưng đất nước này sẽ ra thế nào đây?**” (Nguyễn Phương tự Trúc Long, *Tướng niệm một cái chết*, Văn Nghệ Tiền Phong số 285).

Những người như Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, v.v... khi lên máy bay của Hoa Kỳ ra khỏi VN những ngày trước khi VNCH sụp đổ, đã nghĩ gì về số phận của một đất nước còn lại sau một thời gian dài hưởng thụ đã chán chê ?

Sau cái chết của TT Ngô Đình Diệm, giới sử học Hoa Kỳ và nhiều nước trên thế giới đứng vào phía phe chiến thắng tha hồ chê trách, mạt sát, mạ lị, dèm pha chế độ của nền Đệ I Cộng Hòa, đập xuống tận bần đen trong khi đó cũng có rất nhiều cây bút có công tâm, cố gắng biện minh cho chế độ của Cụ Diệm trong đó phải kể đến Marguerite Higgins, Ellen Hammer, Suzanne Labin, Tướng Thomas A. Lane, nhất là các tài liệu được giải mật của Ngũ Giác Đài tức The Pentagon Papers... Càng ngày số tác giả truy tầm sự thật về chiến tranh Việt Nam đã đóng góp rất nhiều cho việc phục hồi sự thật và danh dự cho chế độ của Cụ Diệm, gần đây như tác phẩm của Mark Moyar, Geoffrey Shaw thuộc về trường phái phi chính thống để chống lại trường phái chính thống sau năm 1963. Sử gia Mark Moyar, trong tác phẩm *Triumph Forsaken* (Chiến thắng dang dở) 512 trang, đã công bình khi đặt lại giá trị của TT Ngô Đình Diệm và cuốn sách này đã gây chấn động lớn trong giới sử học Hoa Kỳ cũng như thế giới.

Gần đây, tác giả Geoffrey Shaw đã dành tất cả sự kính trọng để nói về cái chết của TT Ngô Đình Diệm như là một cuộc tử đạo (martyrdom) trong cuốn sách có tên *The Lost mandate of Heaven, The American Betrayal of Ngo Dinh Diem, President of Vietnam* (Ignatius Press, San Francisco, 2015, trang 23-24).

Một số sử gia ngoại quốc khi gọi TT Ngô Đình Diệm là “Nhà Khổng Học cuối cùng” (The Last Confucian) hay là “Vị quan cuối cùng” (The Last of The Mandarins) đã có vài hậu ý... nhưng một học giả Trung Hoa, Tiến Sĩ Phùng Hữu Lan (Fung-Yulan) (1895-1990) là người có quyền uy nhất trong việc trình bày và lý giải triết học Trung quốc chừng 50 năm trở lại đây, tác giả những bộ sách lớn về triết học Trung Quốc như *Trung quốc Triết học sử*, *Triết học sử chính*, *Trung quốc triết học sử bổ*, *Tân lý học*, *Tân nguyên đạo*, *Tân thế huấn*, *Tân sự luận* v.v... đã đưa ra một mẫu hình tượng về một bậc minh quân thánh chúa, có thể như Cụ Diệm, mà ông gọi tên là “**nội thánh ngoại vương**” 內聖外王. Giáo sư Phùng Hữu Lan viết : “*Người ta thường bảo rằng nhân cách của thánh nhân là “nội thánh ngoại vương”. Tức là trong đức tính nội thánh, thánh nhân hoàn bị sự tu dưỡng tinh thần của mình, và trong địa vị ngoại vương, thánh nhân cải tạo xã hội. Thánh nhân không nhất thiết phải là một lãnh tụ chính trị. Trong thực tế, ít có cơ hội cho thánh nhân lên cầm quyền. Câu “nội thánh ngoại vương” chỉ có ý nghĩa trên mặt lý thuyết: người đạo đức nhất thì đáng làm vua. Còn trong thực tế người ấy có được làm vua hay không, cái đó không quan hệ.*” (*His character is described as one of “sageliness within and kingliness without.” That is to say, in his inner sageliness, he accomplishes spiritual cultivation; in his kingliness without, he functions in society. It is not necessary that the sage should be the actual head of the government in his society. From the standpoint of practical politics, for the most part, the sage certainly has no chance of being the head of the state. The saying “sageliness*

*within and kingliness without” means only that he who has the noblest spirit should, theoretically, be king. As to whether he actually has or has not the chance of being king, that is immaterial.”* (Fung Yu-lan, *A Short History of Chinese Philosophy, A systematic account of Chinese thought from its origins to the present day*, Edited by Derk Bodde, The Free Press, 1966, page 8).

TT Ngô Đình Diệm đã từ bỏ quyết định tiên khởi là sống đời tu hành làm linh mục để dẫn thân vào việc nước, rất sùng đạo, tham dự thánh lễ hằng ngày, và trong chiếc cặp Đỗ Thọ mang theo cho Cụ chiều ngày 1-11 chỉ có một bộ y phục đảng hoàng nhất của Cụ để dùng vào cái nghi lễ trọng vọng nhất đối với Cụ: Lễ Các Đấng Linh Hồn (La Fête Des Morts) vào ngày mai qua dự Lễ và chịu Lễ ở nhà thờ Cha Tam. Theo Đại úy Thọ, tâm hồn Cụ dường như tất cả để vào cuộc Lễ đó. Phong cách hành xử của Cụ khi ngồi uống trà ở nhà Mã Tuyên được ghi nhận: *“Dáng điệu bề vệ thường nhật, không thay đổi tí nào”* rõ là cung cách của một thánh nhân hay một đấng quân tử nên việc xưng tụng TT Ngô Đình Diệm là một bậc **“nội thánh ngoại vương”** tưởng cũng rất hợp lý vậy.

**NGUYỄN ĐỨC CUNG,**

Philadelphia, ngày 19 tháng 5 năm 2017.

